

M VV
333

Tiếng Việt

3

TẬP HAI



4(N)(075)
ĐM 8 M

TIẾNG VIỆT

LỚP BA - TẬP HAI

Biên soạn:

ĐÀO DUY MÃN (Chủ biên)
NGUYỄN TRÍ - LÊ BÀ KHIÊM

(Ấn lần thứ 2)

thuongmaitruongxua.vn



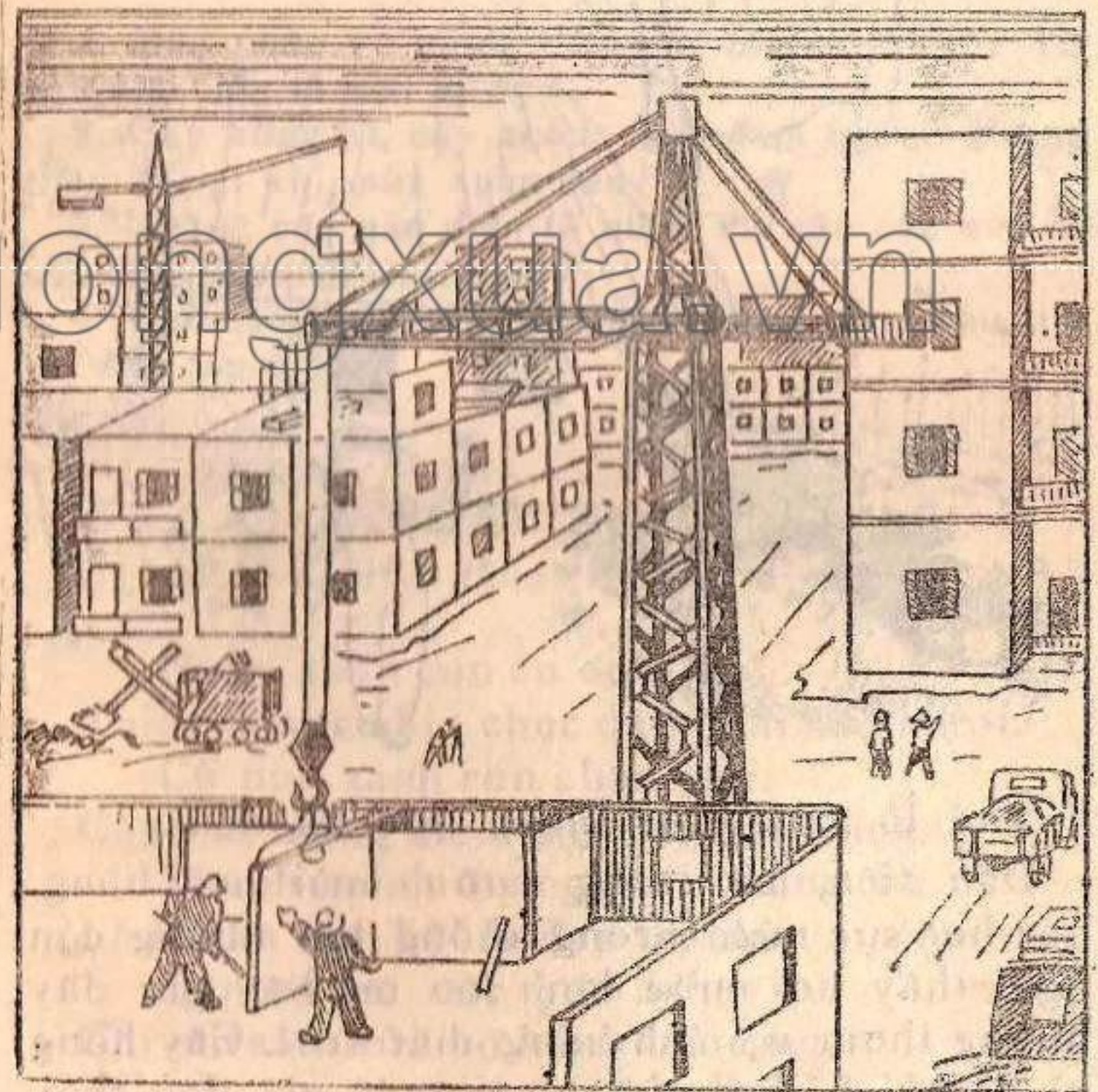
3303



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1985

Chủ đề:

XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC



Biên soạn:

ĐÀO DUY MÃN
(Chủ biên)
NGUYỄN TRÍ
LÊ BÀ KHIÊM

Biên tập:

NGUYỄN THỊ TÚ THUYẾT
VŨ THỊ KIM

Bìa và minh họa:

PHẠM VĂN QUANG

Trình bày:

BÙI CHÍ HIẾU

I. MÙA XUÂN XINH ĐẸP ĐÃ VỀ



Thế là mùa xuân mong ước đã đến!

Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà bây giờ đây hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cây hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thui.

Các cành cây đều lấm tấm mầm xanh. Những cành xoan khẳng khiu đương trổ lá, lại sắp bung tỏa ra những tàn hoa sang sảng, tím tím. Ngoài kia rừng dâm bụt cũng sắp có nụ. Nhiều bạn chúng ta đợi ngất những nụ hoa dâm bụt đỏ về bày chơi.

Mùa xuân xinh đẹp đã về! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về.

Theo TÔ HOÀI

★ 1. Mùa xuân về mang đến cho ta mùi vị gì? Từ ngữ nào diễn tả mùi vị ấy?

2. Cây hồng bì, cây xoan, rừng dâm bụt có những thay đổi gì khi mùa xuân đến?

3. Những câu nào diễn tả niềm vui của các em và các bạn chim khi xuân về?

4. Tìm các từ tả các sắc khác nhau của màu tím (ví dụ: tím tím...)

2. NGÀY XUÂN

(Học thuộc lòng)

Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng diễm một vài bông hoa.

Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.

Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.

Trích: NGUYỄN DU

— **Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi**: ý nói mùa xuân gồm ba tháng đầu năm (tức 90 ngày) nay đã qua sáu mươi ngày. Như vậy thời gian này là vào đầu tháng ba âm lịch.

— **Thanh minh**: theo phong tục cũ, tết thanh minh vào tháng 3 âm lịch hằng năm. Trong ngày tết này mọi người đi tảo mộ và dạo chơi ngắm cảnh mùa xuân.

— **Tảo mộ**: đi thăm mộ, đắp lại, sửa sang lại phần mộ tổ tiên hoặc mộ người thân thích.

— **Đạp thanh**: giẫm trên cỏ xanh; ý nói đi chơi thăm phong cảnh mùa xuân.

— **Nô nước yến anh (từ ngữ cổ)**: ý nói từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân (như chim én, chim oanh về mùa xuân bay riu rít từng đàn).

— **Bộ hành**: đi bộ.

★ 1. Qua hai câu thơ đầu, em thấy lúc này là vào tháng nào trong mùa xuân?

2. Những câu thơ nào nêu bật cảnh thiên nhiên tươi đẹp của mùa xuân? Những cảnh vật ấy có màu sắc gì?

3. Cảnh đi chơi mùa xuân thật đông vui, tấp nập. Từ ngữ nào diễn tả ý đó?

4. Tìm các từ tả màu xanh của cây cỏ (ví dụ: xanh rờn...).

3. GANG ĐÃ RA LÒ

Đêm nay, mẻ gang đầu tiên sẽ ra lò. Ánh điện sáng chói một góc trời. Khu lò cao trông rực rỡ như những ngôi sao bạc. Người từ khắp nơi ào ào đổ tới. Tất cả hồi hộp mong chờ.

Bỗng một hơi gió phát ra, réo ù ù. Những tia lửa bắn tóe vun vút, tới tấp như lửa đạn. Cái nóng ngàn độ từ trong lò thốc ra bỏng giấy. Một anh công nhân vận quần áo a-mi-ăng trắng xốc tới, thọc thuôn sắt sâu vào lòng lò, kéo ra những mảng xỉ gang đỏ rực. Người anh như nhuộm một màu hồng. Nước gang tràn xuống sàn đúc, lấp đầy các khuôn thép. Nước từ vòi cao su phụt xuống khuôn. Khói bốc mịt mù, hơi nóng hăm hập. Những anh công nhân đúc cầm choòng nạy gang. Các anh cố dồn sức vào đôi tay rắn chắc. Gang từ trong các khuôn đúc đổ xuống toa xe rầm rầm.

Tiếng reo hò lẫn tiếng vỗ tay vang lên: «Gang đã ra lò! Gang đã ra lò!»

XUÂN CANG

- **Lò cao**: lò luyện quặng sắt thành gang.
- **Thốc ra bỏng giấy**: thổi mạnh ra đến nóng bỏng.
- **Quần áo a-mi-ăng**: loại quần áo làm bằng chất chịu nóng.
- **Xỉ gang**: chất bã cứng được thải ra trong quá trình luyện gang.
- **Choòng**: loại que sắt cứng dùng để bẩy, để cạy gang đúc trong khuôn bật ra.

★ 1. Cảnh người đến xem mẻ gang đầu tiên đông vui, phấn khởi như thế nào?

2. Các anh công nhân ở đây làm những việc gì? Họ đã làm việc như thế nào?

3. Tìm những từ ngữ trong bài diễn tả độ nóng?

4. Những từ ngữ nào diễn tả âm thanh phát ra trong khi công nhân làm việc?

4 CHUYỆN CỦA LOÀI CHIM

(Bắt đọc thêm)

Chỉ trong vài hôm mà chim chóc ở khu rừng nằm dọc bên một cái hồ lớn đã về đông đủ. Ca hát xong, các chim thi nhau kể chuyện. Chợt Bồ Chao ập đến. Bồ Chao liền thoảng một hồi:

— Tôi xin báo một tin mới toanh. Một tin khẩn cấp! Tôi vừa biết là người ta đang dựng hai cái trụ cao cao đến mây xanh. Chắc là đề... chống trời. Nếu đề chống trời thì trời có thể sụp. Tôi lo quá! Nếu quả vậy thì tôi phải đưa gấp các cháu đi ở chỗ khác. Gia đình tôi sợ tán ngay. Việc đó rất cần.

Chích Chòe là người thường sống trong lo sợ cứ xuýt xoa:

— Hèn gì! Tôi cứ nghe dất dά đồ ầm ầm. Các bạn ạ, cần phải lo xa.

Bồ Chao kể tiếp:

— Đầu đuôi là thế này. Tôi và Tu Hú đang bay dọc một con sông lớn. Chợt Tu Hú gọi tôi: «Kìa hai cái trụ chống trời». Tôi ngược nhìn lên. Trước mắt tôi là những ống thép dọc ngang nối nhau chạy vút tận mây xanh. Các bạn cứ tưởng tượng một cái cầu xe lửa đồ sộ không phải bắc ngang sông, mà dựng đứng lên trời cao..

Bồ Các à lên một tiếng thông thả nói:

— Tôi cũng từng bay qua chỗ hai cái trụ đó. Nó cao hơn tất cả những ống khói, những trụ

buồm, trụ điện mà ta thường gặp hiện nay. Đó là hai trụ điện cao thế mới được xây dựng...

Mọi người hiểu rõ sự thực, sung sướng thở phào. Họ cười to vì thấy Bồ Chao, Chích Chòe đã quá sợ sệt.

Lược trích VÕ QUANG

CHÍNH TẢ

I — Chính tả (nghe đọc): Mùa xuân xinh đẹp đã về.

1. Bắt viết: «Thế là... tím tím».

2. Viết đúng:

— sức nước, ngửi thấy, cởi bỏ, buông toả.

— mong ước—đen thui—tím tím.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

—im hay ăm: trái t..., t... thuốc, gỗ l..., ch... én, lúa ch...

—uớt hay ước: ... át, uo..., mơ..., ăm...

II — Chính tả (nghe đọc): Gang đã ra lò.

1. Bắt viết. Câu đầu và đoạn «Bỗng một hơi gió... khuôn thép»

2. Viết đúng:

— reo, toé, bông giấy, a-mi-ăng trắng.

— vun vút, thuận sắt, khuôn thép

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— xỉ hay xỉ: ... gang, .. nhục, ... than, xấp ...

b) Viết vào vở các từ sau rồi đọc cho đúng:

— vun vút, vuông vức, vươn vai

— vài thun, cái vung, khuôn thép, khung cử

TỪ NGỮ

CÔNG NGHIỆP ĐÚC GANG

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ.

- Gang, sắt, quặng sắt, lò cao, khuôn đúc, công nhân lò cao, thợ đúc, xỉ gang, choòng.
- Đốt lò, ra lò, bỏng giấy, đồ rục.

II — Bài tập.

1. Chọn các từ thích hợp trong mục I điền vào chỗ trống:

Đêm nay, mẻ... đầu tiên ra lò. Khu... trông rục rỡ như những ngôi sao bạc. Một anh công nhân vận quần áo a-mi-ăng trắng xốc tới, thọc thuôn sắt vào lòng lò, kéo ra những mảng... đồ rục. Những anh... cầm... nạy gang. Gang từ trong các... đổ xuống toa xe nằm rạp.

2. Đặt câu với mỗi từ: bỏng giấy, đồ rục, sắt, gang.

NGỮ PHÁP

DẤU CHẤM HỎI

1. Hiện hỏi Hòa:

- Hòa ơi, bạn có quyền Tiếng Việt lớp Ba không?
- Mình có đấy!

Hỏi: Trong ba câu trên, câu thứ mấy là câu hỏi. Cuối câu hỏi có dấu câu gì?

Trả lời: Câu thứ hai là câu hỏi. Sau câu hỏi có dấu chấm hỏi.

Khi hỏi người khác một điều gì, ở cuối câu hỏi ta phải đánh dấu chấm hỏi (?)

2. Tìm xem trong đoạn văn sau đây câu nào là câu hỏi, chép ra vở nháp những câu hỏi đó và đánh dấu chấm hỏi đúng chỗ.

... Một hôm, Bác Hồ hỏi bác Lê:

— Anh Lê có yêu nước không

— Có chứ!

Anh có thể giữ bí mật không

— Có!

— Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem biết họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta... Anh muốn đi với tôi không

— Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi

— Đấy! Tiền đấy!

Bác Hồ vừa nói vừa giơ hai bàn tay ra.

(Trích Hai bàn tay)

TẬP LÀM VĂN

I — Bài làm miệng: Kể lại mẩu chuyện đã đọc.

A — Đề bài: Kể lại mẩu chuyện «Mình bạn học».

B — Câu hỏi:

1. Vô-lô-di-a đang chuẩn bị bài thì có sự việc gì xảy ra?

2. Vô-lô-di-a đã trả lời bạn ra sao? Bạn đã nói châm chọc Vô-lô-di-a như thế nào?

3. Vô-lô-di-a lưỡng lự nhưng rồi tỏ thái độ ra sao?

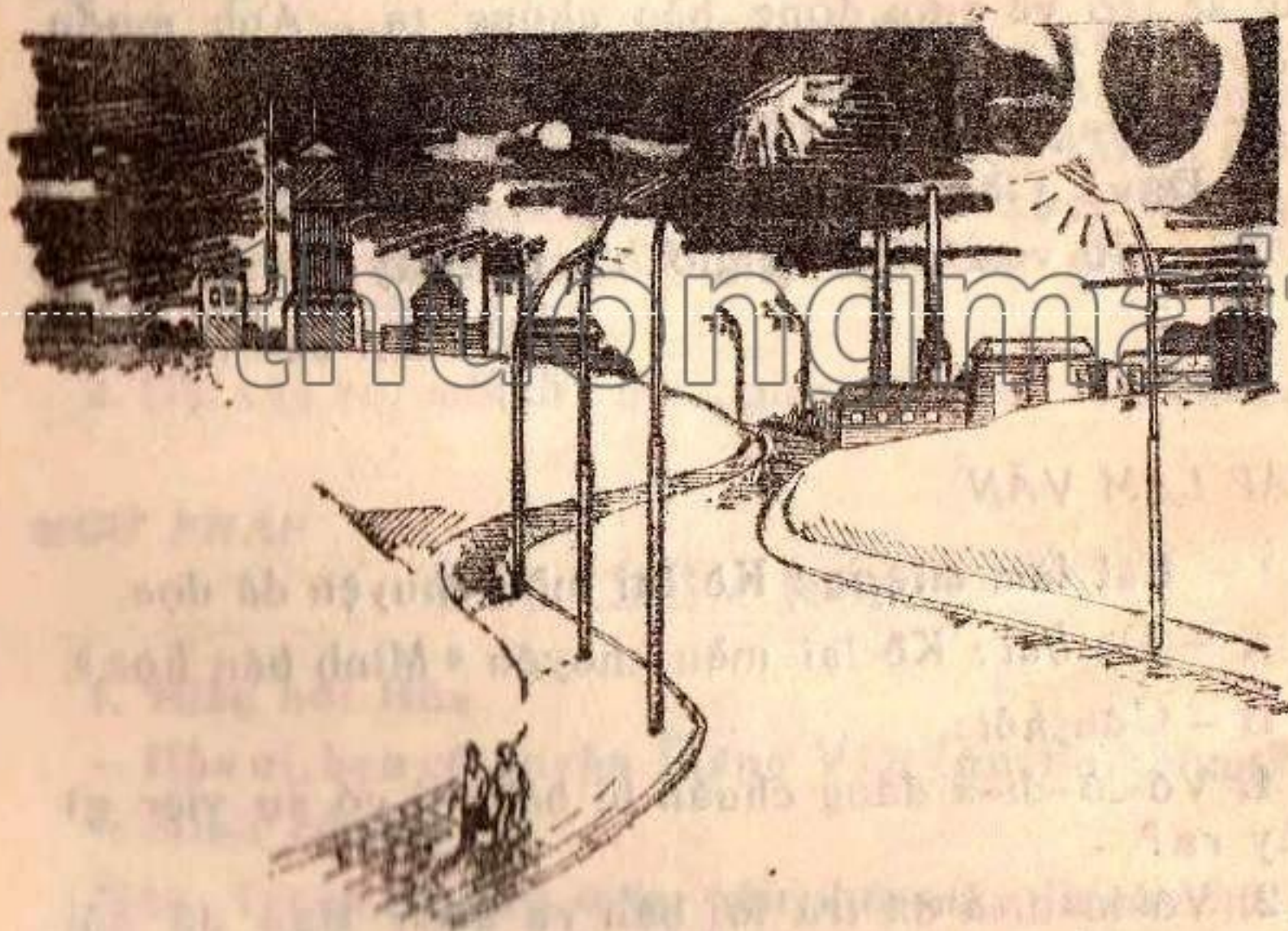
II — Bài làm viết:

Đề bài: Kể lại mẩu chuyện «Mình bạn học».

(Dựa vào những câu hỏi trong bài đã làm miệng để viết thành một đoạn văn).

TUẦN LỄ THỨ 19

5. BAN ĐÊM Ở NHÀ MÁY GIẤY



Ban đêm, đứng trên đồi Mã Thượng thấy nhà máy như một khu vực đang bước vào dạ hội. Điện thấp huy hoàng suốt đêm. Mỗi xưởng trông như một tòa lâu đài có dáng huyền ảo. Đèn cao áp có đến hàng nghìn chiếc tỏa sáng.

Đèn to, đèn nhỏ, cái xa, cái gần. Đèn màu ngọc thạch, đèn màu hồng hồng, đèn màu dom dóm chạy theo những lễ đường lên xuống. Đèn in trong các ô cửa lớn, đèn trên các bề lọc, trên tháp hóa chất, chỗ tập trung, chỗ thừa thớt chiếu sáng cả một vùng đồi.

Trong nhà máy, người xem dễ bị ngợp giữa tầng tầng máy móc và thiết bị chằng chịt. Máy xeo chạy âm âm như sấm, như sét. Máy nghiền đang quay tít những guồng quạt khổng lồ. Chiếc cầu tám tấn nhắc những lô giấy lớn trông nhẹ nhàng như những lực sĩ làm ảo thuật

Trích NGÔ VĂN PHÚ

- Dạ hội: buổi hội vào ban đêm.
- Huyền ảo: trông mờ mờ nửa như có thực, nửa như không có thực.
- Đèn cao áp: một loại đèn điện chiếu ánh sáng xanh, dịu mát
- Máy xeo: máy dàn bột giấy mỏng thành tờ giấy.

★ 1. Tác giả đứng ở đâu để quan sát nhà máy giấy và quan sát vào lúc nào?

2. Tác giả so sánh mỗi xưởng máy với vật gì?

3. Những từ ngữ nào tả cảnh máy móc đang hoạt động rất nhanh và mạnh?

4. Tìm một số từ láy tả tiếng động mạnh (ví dụ: âm âm)

6. HỌA MI HÓT

(Học thuộc lòng)

Mùa xuân! Mỗi khi Họa Mi tung ra những tiếng hót vang lừng, mọi vật như có sự đổi thay kì diệu!

Trời bỗng sáng thêm ra. Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới hóa rực rỡ hơn. Những gợn sóng trên hồ hòa nhịp với tiếng Họa Mi hót, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh cao. Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn. Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của Họa Mi chợt bừng giấc, xòe những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hót dòn dặt của Họa Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tung bừng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hót kì diệu của Họa Mi đã làm cho tất cả bừng giấc... Họa Mi thấy lòng vui sướng, cố hót hay hơn nữa.

Theo VÕ QUẢNG

- Họa Mi: loài chim nhỏ, lông màu nâu vàng có tiếng hót cao và trong.

- Chồi: cành non

- Lộc: lá non

★ 1. Họa Mi hót nghe hay nhất vào thời gian nào?

2. Khi Họa Mi hót thì cảnh vật chợt biến đổi ra sao? (Trời? Da trời? Sông? Mây? Hoa?).

3. Chim, Hoa, Mây, Nước nghĩ như thế nào về tiếng hót của Họa Mi?

4. Họa Mi thấy trong lòng thế nào? Và Họa Mi làm gì?

5. Tìm một số từ gồm 2 tiếng trong đó có «vang» (ví dụ: vang lừng...).

7. MÁY BƠM NƯỚC

Xình xịch xình xịch

Máy đã nổ rồi

Trắng xóa nước cười

Bọt tung mát rượi.

Nước từ ruộng dưới

Độc ngược dòng cao

Nước đổ ào ào

Máy bơm tài thật!

Lúa đang cơn khát

Buồn thiu buồn thiu

Bỗng lúa cười reo

Vui như ngày hội.

Lúa xanh phơi phơi

Chào bác máy bơm!

Máy càng khỏe hơn

Nước tuôn dào dạt.

VÕ VĂN TRỰC

– Mát rượi : mát thấm vào tận da thịt.

– Đào dạt : chan chứa, tràn đầy

★1. Từ ngữ nào mô tả tiếng máy bơm nước?

★★2. Hình ảnh « Tráng xóa nước cười » tả cảnh gì?

3. Những từ ngữ nào tả cây lúa trước và sau khi có nước về?

4. Em hãy tìm những từ ngữ trong bài diễn tả nước chảy rất mạnh.

8. MÙA XUÂN BÊN BỜ SÔNG LƯƠNG

(Bài đọc thêm)

Tuy rét vẫn kéo dài, mùa xuân đã đến bên bờ sông Lương. Mùa xuân đã đem các chùm hoa đỏ mọng lên những cành cây gạo chót vót giữa trời và trái màu lúa non sáng rực lên khắp mặt đất mới cách ít ngày còn trần trụi, đen xám. Trên những bãi đất phù sa mịn hồng mơn mớn, các vòm cây quanh năm xanh um đã dần dần chuyển màu lốm đốm, như được rắc thêm một lớp bụi phấn hung hung vàng. Các vườn nhãn, vườn vải đang trổ hoa. Và hai bên ven con sông nước êm dềm trong mát, không một tấc đất nào bỏ hờ. Ngay dưới lòng sông, từ sát mặt nước trở lên, những luống ngô, đỗ, lạc, khoai, cà... chen nhau xanh rờn phủ kín các bãi cát mùa này phơi cạn.

NGUYỄN DINH THỊ

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (tết nhớ) : Ngày xuân.

1. Bài viết : Cả bài

2. Viết đúng :

– ền, thiếu quang, ngoài, chân trời, tảo mộ, đập thành.

– gần xa, yến anh, xuân.

3. Luyện tập : Điền vào chỗ trống :

– ngọt hay ngoát : trong..., sông..., ... ra, ... bút.

– đẹp hay đạt : xe..., giã..., ... kết quả, truyền...

II – Chính tả (nghe đọc) : Máy bơm nước.

1. Bài viết : Cả bài

2. Viết đúng :

– tráng xóa, mát rượi, dốc ngược, đào dạt.

– xinh xịch, buồn thiu buồn thiu, tuôn, khát, khỏe.

3. Luyện tập : Điền vào chỗ trống :

– tu hay tâu : chuỗi t..., buồn th ..., h... biết, t... nghìn.

– tu hay ưu : m... kể, húng l..., con c..., l... lo, trường, l... tất.

TỪ NGỮ

CÔNG NGHIỆP NHE

I – Những từ ngữ cần ghi nhớ.

– Nhà máy giấy, nhà máy dệt, nhà máy xay, nhà máy đường, xưởng, phân xưởng, máy móc, sản phẩm.

– Sản xuất, quay tít, ầm ầm, la liệt.

– Tăng năng xuất.

II — Bài tập.

1. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống:

Ngành công nghiệp nhẹ có nhiệm vụ ... các loại hàng tiêu dùng để phục vụ đời sống nhân dân. Làm ra giấy có các ..., làm ra vải có các ..., sản xuất đường có các ..., xay sát thóc gạo có các ... v.v. Mỗi nhà máy có nhiều ... hoặc ... Trong các xưởng, ... được xếp đặt thành hàng lối ngay ngắn. Khi sản xuất, có cái máy ... có cái chạy ... như sấm, như sét. Anh chị em công nhân đang ra sức ... để sản xuất ra ngày càng nhiều ... tiêu dùng cho nhân dân.

2. Tìm thêm tên các loại nhà máy sản xuất hàng tiêu dùng mà em biết

NGỮ PHÁP

ĐẤU CHẤM HỎI (tiếp theo)

Khi đọc, gặp câu có dấu chấm hỏi, ta phải đọc cao giọng ở cuối câu.

Đọc đoạn văn sau, chú ý đọc đúng giọng ở các câu có dấu chấm hỏi.

Cây thì thầm

Một lần, đang đêm, Thủy chợt thức giấc. Thủy thấy mẹ chưa ngủ. Mẹ nhìn ra phía cửa sổ, nơi cây me sà vào rất gần. Mẹ ngồi im, Thủy lay mẹ, hỏi:

— Sao mẹ chưa ngủ, mẹ ngồi làm gì thế?

Mẹ quay lại, ôm lấy Thủy, nói:

— Con thức dậy đấy ư? Mẹ không làm gì cả, mẹ đang ngồi.

— Mẹ cứ ngồi thế à?

— Không, mẹ đang nói chuyện đấy!

— Mẹ nói chuyện với ai? Với con thạch sùng à?

— Mẹ nói chuyện với «cây thì thầm» con ạ.

— Cây thì thầm nào hả mẹ?

— Cây me đó con!

— Sao cây me lại là «cây thì thầm»? Cây me là cây me chứ?

Mẹ vuốt tóc Thủy ... Thủy định hỏi mẹ nữa. Bao giờ cô bé cũng có hàng trăm câu hỏi «vì sao?» trong đầu, nhưng Thủy không kịp hỏi gì từ «cây thì thầm» thối vào, cô bé thiếp đi trong điều bí ẩn lạ lùng ấy...

TẬP LÀM VĂN

Trích CẨM THƠ

I — Trả bài viết: «Minh bạn học».

II — Bài làm miệng:

A — Đề bài: Kể lại mẩu chuyện «Nhà bác học không ngừng học»

B — Câu hỏi:

1. Đác-uyn là người như thế nào?

2. Sự việc xảy ra như thế nào mà ông Đác-uyn nói: «Bác học không có nghĩa là ngừng học»

3. Hãy kể về việc ông học thêm tiếng Đức

TUẦN LỄ THỨ 20

9. ĐÁNH CÁ NGOÀI KHƠI

Trên mặt biển rộng, các đoàn thuyền giập giờn những cánh buồm nâu đang lướt nhanh như thuyền trăn.

Hai thuyền cái bắt đầu bủa lưới, bốn lá cờ hiệu màu nâu phát lên. Đoàn thuyền quân cuối sóng vượt ra xa rồi quay thành một vòng vây. Tiếng trống, tiếng gõ sập nổi lên giòn giã, liên hồi...

Đàn cá bị bao vây dồn đuổi. Vòng vây càng khép chặt, tiếng gõ càng nhộn, càng dày.

Một lát sau, hàng chục cánh tay lực lưỡng hì hục kéo lưới lên. Cá bám đầy trên mặt lưới, lấp lánh như ánh bạc. Tiếng reo vang dậy.

Từ mặt lưới, cá chuỗi lạch dạch xuống khoang thuyền. Cá thu tròn lăn, sống lưng xanh đen, bóng nhoáng. Cá chim hai vây xòe ra. Cá mòi vây trắng li ti như bạc mới. Cá gúng ria tre dài vênh lên... Con nào con nấy thở hồn hèn, phì phò những bong bóng nước.

Theo CẨM THẠCH

= Ngoài khơi: nơi biển rộng cách xa bờ.

= Bủa lưới: thả lưới bao vây.

★ 1. Hình ảnh nào cho thấy đoàn thuyền lướt nhanh trên mặt biển?

2. Trên mặt biển có những loại thuyền nào? Mỗi loại thuyền hoạt động sao nào như thế nào?

3. Từ ngữ nào cho thấy đoàn thuyền đánh được nhiều cá?

4. Em hãy đọc thông thả đoạn cuối bài và tìm những từ tả đặc điểm của các loại cá? (cá thu, cá chim, cá mòi, cá gúng)

★★ 5. Tìm từ có hai tiếng trong đó có «tròn» (ví dụ: tròn lăn...)

10. Ở NHÀ MẤY GÀ

(Học thuộc lòng)

Những chú gà công nghiệp
Thật khác chú gà nhà
Được ấp trong lò điện
Tự mổ vỏ mà ra.

Người đầu tiên chú thấy
Áo choàng trắng thướt tha
Chắc là mẹ mình đấy!
Mẹ đẹp như tiên sa.

Mẹ chiều cả ngàn con
Giải trấu thay dẽm mới
Tháp đèn làm lò sưởi
Máng ăn ẩm ắp đầy.

Gà mà chẳng ở chuồng
Cả dãy nhà rộng đẹp
Bè bạn cứ vàng ươm
Hát suốt ngày liếp liếp.

Trích VĂN LONG



— Gà công nghiệp, giống gà được nuôi trong nhà máy theo phương pháp công nghiệp (có thức ăn riêng, trứng ấp trong lò điện...).

— Mẹ đẹp như tên sa: ý muốn ca ngợi chị công nhân nuôi gà như cô tiên đẹp trên trời xuống.

★ 1. Câu thơ nào cho em biết những chú gà công nghiệp ra đời khác hẳn gà nhà? (khổ 1)

2. Cao chủ gà con tưởng ai là mẹ mình? Câu thơ nào ca ngợi người nữ công nhân nuôi gà? (khổ 2)

3. Câu thơ nào diễn tả niềm vui của những chú gà con được chăm sóc tốt? (khổ 4)

4. Tìm một số từ ghép tả các sắc độ khác nhau của màu vàng (ví dụ: vàng ươm...).

11. TIẾNG KÈNG CÔ NUÔI CÁ



Mặt hồ lăn tăn sóng,
Bỗng tiếng kèng đồ dòn,
Tiếng kèng báo giờ cơm,
Vọng đều vào... ngõ cá.

Con rô mình lấp lóa,
Duôi búng nước lên trời.
Cá trăm cỏ hiền quá
Nhẹ nhàng vây bơi bơi.

Hồ sủi tăm như sôi,
Rêu xanh choài mặt nước.
Thức ăn ngon tận môi
Đàn cá thi nhau đớp.

Âm thanh rất quen thuộc,
Tiếng keng giòn ngân nga.
Cô xã viên sao giống,

Cô Tấm, chuyện của bà

PHAN THẾ CẢI

— **Cô Tấm**: tên một nhân vật trong truyện cổ tích « **Tấm Cám** » Tấm hiền lành, chăm làm, tốt bụng. **Đã** có lần Tấm nuôi cá bống trong giếng. Hằng ngày Tấm ra gọi cá lên cho ăn.

★ 1. Những từ nào tả tiếng keng báo giờ ăn của cá?
(Khò 1 và khò 4)

2. Em tìm những hình ảnh tả con rô, con trắm?

3. Hình ảnh mặt hồ lúc đàn cá lên ăn như thế nào?
Tại sao « **Hồ sủi tăm như sôi** »

★★ 4. Tác giả so sánh cô xã viên nuôi cá với ai?
Vì sao tác giả so sánh như vậy?

12. HỘT MẶN

(Bạt đọc thêm)

Một bà mẹ nấu mận cho các con ăn sau bữa cơm. Bà để mận trên một cái đĩa ở giữa bàn. Va-ni-a chưa bao giờ được ăn mận nên thêm lắm. Em đi đi, lại lại trước đĩa mận. Lúc ấy không có ai ở trong phòng. Không nhịn nổi, em lấy một quả. Trước bữa ăn, thấy thiếu một quả, mẹ nói chuyện với bố.

Trong bữa ăn, bố hỏi các con: « Trong các con, con nào đã ăn mận? » Mọi người đều trả lời là không ăn. Bé Va-ni-a, mặt đỏ như gấc, cũng nói: « Không, con không ăn! »

Ngay giờ bố mới nói: « Con nào đã ăn mận thì không tốt đâu. Điều không may không phải là đã ăn mận. Điều không may là trong quả mận có hột. Nếu ai không biết cách ăn mận mà nuốt cả hột thì ngày mai sẽ đau bụng. Vì vậy bố lo lắm ».

Bé Va-ni-a tái xanh mặt và nói « Không, con đã vớt hột ra ngoài cửa sổ rồi »

Cả nhà bật cười còn Va-ni-a òa khóc.

Theo L. TÔN - XTÔI

(TẠ NHƯ BÍCH dịch)

CHÍNH TẢ

1 — **Chính tả** (nghe đọc): Đánh cá ngoài khơi.

1. **Bắt viết** « Trên mặt biển... như ánh bạc ».

2. **Viết đúng**:

— thuyền, giáp giòn, buồm nâu, lướt nhanh, búa
lướt cười sóng, gõ sập, giòn giã, liên hồi.

3. **Luyện tập:** Em tìm trong bài, đọc lên rồi viết vào vở nháp cho đúng:

— Những tiếng bắt đầu bằng phụ âm l và những tiếng bắt đầu bằng phụ âm n.

— Những tiếng có dấu hỏi (?) và những tiếng có dấu (~).

II — **Chính tả (so sánh):** Phân biệt các phụ âm đầu r, gi, đ.

1. **Bài viết:** Dấu tròn trên bờ ruộng.

Chú thương binh đi thăm đồng

Với đôi nạng gỗ

Mệnh mông là trời và gió.

Những sóng lúa lượn quanh

Như đang tay ra điu và dờ chú

Còn đám mây thì giống hình cái mũ

Đội lên cho chú khỏi nhức đầu

Chú đi đến đâu

Chiếc nạng theo đông dấu tròn trên bờ ruộng...

Dấu chấm kia như là bông hoa.

Trích ĐỒNG XUÂN LAN

2. **Viết đúng:**

— ra (phân biệt: ra vào với da dẻ, gia đình...)

— điu (phân biệt: điu điu với búa rìu...)

— dấu (phân biệt: đông dấu với cất giấu...)

— giống (phân biệt: giống nhau với rống lên...)

3. **Luyện tập:**

a) Điền vào chỗ trống:

— rìu hay điu: lưỡi..., đập..., dãi

— dấu hay giấu: ... vết..., giếm, đóng..., che...

b) Điền r, gi, hay đ vào chỗ trống:

— Trại bờ... ống Ba Vì ở phía tây Hà Nội

— Con nông... ang vạch một đường thẳng tắp.

— Em... a cửa hàng mua một cái cặp vải giả...a.

TỪ NGỮ

NUÔI CÁ — THẢ CÁ

I — **thành từ ngữ sẵn ghi nhớ:**
Cá trắm, cá rô phi, cá chép, cá mè, gà công nghiệp, gà hung, gà ri, gà Lơ-go, chuồng, trại, măng ăn.

— Chăn nuôi, thả cá, kéo lưới.

II — **Bài tập:**

1. Điền từ thích hợp vào các chỗ trống:

Đề tăng nhanh nguồn thức ăn, chúng ta cần ra sức phát triển... Ở nơi có nhiều ao hồ, có thể phát triển nghề... Chúng ta có nhiều giống cá lớn nhanh, cho nhiều thịt như cá..., cá..., cá... Ở nhiều địa phương có các trại... trong đó người ta nuôi nhiều giống gà để lấy thịt hoặc trứng như gà..., gà...

Điền một số từ có thể đặt trước từ «cá» (ví dụ: thả cá...) và từ «lưới» (ví dụ: kéo lưới...).

NGỮ PHÁP

THỰC HÀNH VỀ DẤU CHẤM HỎI

1. Đánh dấu chấm hỏi vào các câu hỏi ở trong truyện cổ tích sau:

Cái rìu

Đàn bà sông, một anh tiểu phu nghèo đang đốn gỗ thì bỗng veo... lưỡi rìu bật ra khỏi cán, văng xuống sông chầm nhím. Anh ngồi xuống khóc nức nở.

Anh đang buồn rầu chán nản thì nghe đằng sau có tiếng lá sột soạt. Một ông già từ trong rừng đi ra.

Tại sao cháu khóc

Thưa ông, lưỡi rìu của cháu bật rơi xuống sông mất rồi. Cháu không có gì để chặt cây nữa.

— Không sao cháu ạ. Ông vớt lên cho cháu nhé!
Nói đoạn, ông nhảy xuống nước, lặn một hơi, trở lên, tay cầm một lưỡi rìu bằng vàng. Ông nói:

— Đây rìu của cháu đây. Đúng rìu của cháu chứ
— Không phải ông ạ.

Ông già lại lặn xuống mang lên một chiếc rìu bằng bạc đưa cho anh tiểu phu.

— Của cháu phải không

— Không, không phải ông ạ.

Ông già lặn lần thứ ba và mang lên một lưỡi rìu bằng sắt.

— Cái này đúng của cháu chứ

— Vâng, vâng, đúng ạ.

Anh chẳng cần vội lấy lưỡi rìu cảm ơn ông già và định về nhà. Ông già nắm lấy tay anh và nói:

— Cháu cầm lấy cả hai lưỡi rìu này. Cháu không tham lam, thật đáng quý.

— Vâng, cháu sẽ biết ơn ông suốt đời.

(Theo Truyện cổ dân tộc Lit-va-Liên Xô)

2. Đọc lại truyện kể trên chú ý đọc đúng giọng các câu có dấu chấm hỏi

★★ 3. Trong một buổi học nhóm, Tùng và Hạnh hỏi nhau về cách làm một bài toán. Em viết lại đoạn nói chuyện đó chú ý đánh dấu chấm hỏi cho đúng chỗ.

TẬP LÀM VĂN

I — Kể lại mẩu chuyện đã đọc (Bài làm viết).

Đề bài: Kể lại mẩu chuyện « Nhà bác học không ngừng học ».

(Dựa vào những câu hỏi trong bài đã làm miệng tuần trước để viết thành một đoạn văn)

II — Trả bài viết: « Nhà bác học không ngừng học ».

TUẦN LỄ THỨ 21

13. NÓI VỚI SÔNG ĐƠ-NHI-ÉP

Con người nói với sông Đơ-nhi-ép
— Ta sẽ chôn người bằng tường thép

Đề

Từ trên cao

Nước chảy xuống

Hàng băng

Cho tàu chạy

Nhanh hơn,

Cho máy chạy

Không ngừng;

Đề từ nay

Nước dòng sông

Không còn trôi

Vô ích,

Mà sẽ mang

Bánh mì.

Điện

Than

Cho nhân dân

Dùng thỏa thích.

Đề
Trên đồng
Vang xa
Tiếng máy cày,
Máy nổ;
Đề điện sáng
Suốt đêm
Trong nhà
Và ngoài phố!

MÁC-SĂC
(THÁI BẮ TÂN dịch)

— Sông Đơ-nhi-ép: một con sông lớn ở Liên Xô.
Trên con sông đó, nhân dân Liên Xô đã xây dựng
một nhà máy thủy điện lớn.

★ 1. Con người định làm gì đối với con sông Đơ-nhi-ép?

2. Sau khi bị chặn bằng tường thép, sông Đơ-nhi-ép mang lại lợi ích gì cho mọi người? Những từ ngữ nào nói lên tác dụng ấy?

★★ 3. Vì sao sông Đơ-nhi-ép có thể mang lại những lợi ích vừa kể trên?

4. Tìm từ gần nghĩa với « chặn ».

14. TIẾNG HÁT NGƯỜI LÀM GẠCH

(Học thuộc lòng)

Đất im lặng dưới chân ta
Mà nghe có tiếng phố, nhà vang âm,
Xôn xao mái ngói, nhà tầng
Lắng nghe có tiếng hát thầm... đất ơi!

Hòn đất là hòn đất rời
Thành vuông gạch dẻo—tay người nhào nặn
Hòn đất là hòn đất mềm
Qua nghìn độ lửa—chắc bền dài lâu
Hòn đất là hòn đất nâu
Ra lò—rực rỡ đất màu đỏ tươi.

Nhanh tay, nào bạn mình ơi!
Gạch đi trăm ngả, trăm nơi đang chờ.

(Tập đọc lớp Ba 1980)



Nhào: cho nước vào đánh đều cho nhuyễn, cho dẻo.

Nghìn độ lửa: chỉ độ nóng rất cao.

★ 1. Từ một đất im lặng dưới chân, người thợ làm gạch đã tưởng tượng đến cảnh xây dựng những gì?

2. Hình ảnh nào khiến họ tưởng tượng đến cảnh xây dựng rộn ràng ấy?

3. Tay người thợ đã làm nên những viên gạch đáng yêu như thế nào?

4. Tìm một số từ ghép gồm hai tiếng chỉ các sắc khác nhau của màu đỏ (ví dụ: đỏ tươi...)

15. TÔI TRỞ THÀNH CÔNG NHÂN

Ngày trọng đại trong đời tôi đã đến. Mười lăm tuổi tôi trở thành công nhân... Đã đến lúc tôi phải lao động, phải giúp đỡ gia đình. Tôi được nhận vào nhà máy làm thợ đốt lò, rồi chuyển sang làm thợ nguội, và tôi nhanh chóng nắm vững hai nghề đó. Nhà máy đã thân thuộc với tôi từ lâu, tiếng máy chạy, tiếng ồn ào trong nhà máy, hương vị của kim loại bị đốt nóng, tất cả những cái đó đều ăn nhập vào tôi từ bao giờ.

Vậy là ngày mong ước bao lâu đã đến. Còi nhà máy rền vang gọi tôi và cùng với bố, tôi đi vào ca và lao động như tất cả mọi người. Gân cốt đau ê ẩm, mồ hôi cay xè mắt, nhưng tôi thật sự sung sướng. Rồi biết bao nhiêu niềm vui mới: về đến nhà, tôi cởi bỏ chiếc áo ngoài ẩm dầy khói bụi và mẹ tôi, cũng như đối với bố, dội những gáo nước lạnh buốt vào hai lòng bàn

tay tôi để tôi rửa mặt. Tôi còn nhớ, vừa ngang đầu lên, tôi liền bắt gặp những giọt nước mắt long lanh trong đôi mắt hiền hậu của mẹ.

— Sao đấy mẹ? —

— Mẹ sung sướng quá con ạ. Thế là con đã bắt đầu nuôi gia đình rồi!

Trích LÊ-Ô-NÍT I-LICH BRÊ-GIƠ-NÊP

— Trọng đại: hết sức quan trọng.

— Ca: một phiên làm việc trong xí nghiệp nhà máy.

★ 1. Vì sao tác giả nói: « Nhà máy đã thân thuộc với tôi từ lâu »?

2. Tìm câu văn tả lại cảm xúc của tác giả trong ngày lao động đầu tiên.

3. Vì sao trong đôi mắt hiền hậu của bà mẹ lại long lanh những giọt nước mắt?

4. Tìm từ cùng nghĩa với « công nhân ».

16. CÁI GÌ QUÝ NHẤT?

(Bài đọc thêm)

Một hôm, trên đường đi học về, Hùng, Quý và Nam trao đổi với nhau xem cái gì quý nhất.

Hùng nói: « Quý nhất là lúa gạo! Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không? »

Quý và Nam cho là có lý. Nhưng đi được mười bước, Quý vội reo lên: « Bạn Hùng nói

không đúng. Quý nhất là vàng. Mọi người chẳng thường nói quý như vàng là gì? Có vàng là mua được lúa gạo!»

Nam vội tiếp ngay: «Quý nhất là thì giờ. Thầy giáo thường nói: thì giờ quý hơn vàng bạc. Có thì giờ làm ra được lúa gạo, làm ra được vàng bạc!»

Cuộc thảo luận gay go, mỗi người đều có lý, không ai chịu ai. Hôm sau, ba bạn đến nhờ thầy giáo phân giải.

Nghe xong thầy mỉm cười rồi nói.

– Lúa gạo cũng quý vì biết bao mồ hôi của nông dân mới làm ra được. Vàng cũng quý vì vàng rất đắt và hiếm. Còn thì giờ cũng quý vì thì giờ đã qua không lấy lại được. Nhưng lúa gạo, vàng bạc, thì giờ vẫn chưa phải là quý nhất. Ai làm ra lúa gạo, vàng bạc, ai biết dùng thì giờ?

Thầy ngừng lại vài giây rồi tiếp:

– Đó là người lao động các em ạ. Không có người lao động thì không có lúa gạo, không có vàng bạc nghĩa là tất cả mọi thứ đều không có và thì giờ cũng trôi qua một cách vô vị.

(Tập đọc lớp Ba – 1980)

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (nghe đọc): Nói với sông Đơ-nhi-ép.

1. Bài viết: «Con người nói... dùng thỏa thích».

2. Viết đúng:

- sông Đơ-nhi-ép, tường thép, chảy, trôi.
- vô ích, điện, than, nhân dân, thỏa thích.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

- than hay than?: lò..., bậc..., ... củi, cái..., ... thờ.
- dân hay dang: nông..., kính..., công..., nước ... cao.

II – Chính tả (nghe đọc): Tôi trở thành công nhân.

1. Bài viết: «Vậy là... hiền hậu của mẹ».

2. Viết đúng:

- gân cốt, cay xè, sung sướng, lạnh buốt, ngàng đầu lên.

- rền vang, niềm vui, giọt nước mắt.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

- g hay gh: tiếng... ọi..., ... i nhớ..., áo nước, bắt... ắp
- c hay k: ... ọi..., ... ổi..., ... ót..., ét..., ... ày, đoàn... ết
- l hay n: mười... ăm tuở..., mười... ăm đã trôi qua, hai mươi... ăm... ăm...

TỪ NGỮ

ÔN TẬP

1. Gang khác sắt như thế nào?
2. Lò cao dùng để làm gì?
3. Máy móc là gì?
4. Gà công nghiệp khác gà nhà như thế nào?
5. Đặt câu với mỗi từ: đồ rục, đồ hồng.
6. Điền từ thích hợp vào đoạn văn sau:

Mời bạn vào thăm... nuôi... công nghiệp. Mỗi gian nhà là một... gà lớn chứa hàng trăm con. Chúng đang xúm quanh các... mỏ lia lia. Chúng thường được sưởi bằng lò điện. Giống gà công nghiệp này... nhanh như thổi.

DẤU CHẤM CẢM

1. Xôn xao mái ngói nhà tầng
Lăng nghe có tiếng hát thăm... đất ơi!

2. Mùa xuân xinh đẹp đã về!

Nhận xét: «Đất ơi!» là câu đề gọi. «Mùa xuân xinh đẹp đã về!» là câu diễn tả niềm vui sướng của mọi người khi mùa xuân đến. Cuối các câu trên đều có dấu chấm cảm.

Dấu chấm cảm ghi ở cuối các câu diễn tả niềm vui, nỗi buồn hoặc cuối các câu kêu gọi.

3. Tìm trong đoạn văn sau, các câu cần đánh dấu chấm cảm và đánh dấu chấm cảm cho các câu đó:

Mùa xuân, cô bé vào trong vườn Hoa đào đang nở màu hồng rợp trên đầu. Cô gọi:

– Đào ơi, sao bạn mang sắc màu đẹp thế

– Tôi cũng giống như màu đôi môi của bạn ấy mà.

Đấy, bạn soi gương xem. Giống như đức phải không?... Tôi với bạn là một mà thôi.

Cô bé âu yếm áp nụ cười của mình lên những nụ cười của hoa đào thắm thì:

Ừ hai chúng mình là một.

Lược trích NGUYỄN PHAN HÁCH

TẬP LÀM VĂN

I – **Kể lại câu chuyện đã đọc** (Bài làm viết).

A – **Đề bài:** Kể lại câu chuyện: «Rùa và Thỏ».

B – **Câu hỏi**

1. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?
2. Rùa chạy ra sao? Còn Thỏ đã làm gì?
3. Kết quả cuộc thi ra sao?

II – **Trả bài viết:** «Rùa và Thỏ».

TUẦN LÊ THỨ 22

17. CÂY GẠO



Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ

bay đi bay về. Chúng nó gọi nhau, trêu ghẹo nhau, trò chuyện ríu rít. Ngày hội mùa xuân đấy.

Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, càng nặng trĩu những chùm hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót.

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo
trở lại với dáng vẻ xanh mát hiền lành. Cây
đứng im lìm cao lớn, làm tiêu cho những con đò
cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

Theo VŨ TỬ NAM

— Tiêu: vật cắm làm mốc đề từ xa dễ nhìn thấy.

★ 1. Tác giả ví cây gạo, hoa và búp nõn với những
vật gì?

2. Em hãy tìm những từ tả màu sắc trong đoạn
tả cây gạo.

3. Dự «ngày hội mùa xuân» trên cây gạo có
những loại chim nào? Tìm các từ tả hoạt động
của chúng.

4. Hết mùa hoa cây gạo có dáng vẻ như thế nào?

18. LÒNG YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

(Học thuộc lòng)

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó
là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa
đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh
thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng
vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự
nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ
bán nước và cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ
đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.
Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch

sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần
Hung Đạo, Lê Lợi, Quang Trung v.v. Chúng
ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng
dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân
tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng
với tổ tiên ta ngày trước.

HỒ CHÍ MINH

★ 1. Truyền thống quý báu của nhân dân ta là gì?

2. Hình ảnh nào diễn tả sức mạnh của lòng yêu
nước của nhân dân ta trước nạn ngoại xâm?

3. Em hãy kể lại những trang lịch sử vẻ vang
của nhân dân ta được nhắc đến trong bài văn?

4. Theo Bác Hồ, đồng bào ta ngày nay có gì đáng
biểu dương?

5. Tìm các từ gồm hai tiếng, trong đó có tiếng
«nồng» (ví dụ: nồng nàn...)

19. BÀ TRUNG

Bà Trưng quê ở Châu Phong
Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên.
Chi em nặng một lời nguyện
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân.
Ngàn tây nổi áng phong trần
Âm âm binh mã xuống gần Long Biên.

Hồng quân nhẹ bước chinh yên
 Dũi ngay Tô Định dẹp yên biên thành
 Đô kì đóng cõi Mê Linh
 Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.

(Trích Đại Nam quốc sử diễn ca)



– Châu Phong: tức Phong Châu tên một vùng đất nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phú

– Người tham bạo: chỉ Tô Định một tên thái thú nhà Hán cai trị nước ta thời Bà Trưng. Hắn tìm mọi cách vơ vét của cải của nhân dân ta. Hắn thẳng tay giết hại nhiều người Việt yêu nước trong đó có ông Thi Sách là chồng Bà Trưng

– Nương tử: (từ cổ) chỉ người đàn bà trẻ tuổi.

– Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân: ý nói Bà Trưng đã đứng lên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa thay cho Thi Sách bị Tô Định giết hại.

– Áng phong trần: (từ ngữ cổ) ý nói Bà Trưng nổi dậy âm thầm kéo quân đi đánh giặc

– Long Biên: tên một vùng đất nay thuộc Hà Bắc.

– Hồng quân: (từ cổ) chỉ người phụ nữ.

– Chinh yên: (từ cổ) ý nói cưỡi ngựa đi đánh giặc.

– Đô kì: (từ cổ) tức kinh đô, nơi vua chúa ở thời xưa.

– Mê Linh: nay thuộc huyện Mê Linh, ngoại thành Hà Nội

★ 1. Qua hai câu thơ đầu em cho biết vì sao Bà Trưng khởi nghĩa?

2. Em tìm xem những từ nào, câu nào nêu lên khí thế mạnh mẽ của cuộc khởi nghĩa?

3. Tìm những tiếng vần với nhau trong đoạn thơ (chú ý tiếng thứ 6 và thứ 8 ở mỗi dòng thơ).

4. Tìm từ gần nghĩa với từ « giận ».

20. CÂU ĐỐ

(Bài đọc thêm)

1. Ai người ra trận cưỡi voi
 Đánh tan Tô Định lên ngôi Vua bà?
 (Là ai?)

2. Bé thì chẵn ghé, chẵn trâu
 Trận bày đã lấy bông lau làm cờ
 Lớn lên xây dựng cơ đồ
 Mười hai sứ tướng bấy giờ đều thua.
 (Là ai?)

3. Bé mà lo việc quốc gia
Cờ thù sáu chữ diệt thù trừ gian
(Là ai?)

4. Vua nào áo vải
Đánh bại quân Thanh
Lên ngôi Hoàng đế?

(Là ai?)

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (trí nhớ): Ở nhà máy gà.

1. Bài viết: 3 khổ thơ đầu (12 câu).

2. Viết đúng:

- công nghiệp, áo choàng, giải trấu, am áp.
- tiên sa – thuật tha – lò sưởi.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

- thuật hay thước: tha, ..., cái ..., lướt ..., ... vải.

b) Viết lại chữ tiên, thêm các dấu ‘ ‘ ‘ ‘, rồi đọc lên cho đúng.

- Viết lại chữ ra thêm các dấu ‘ ‘ ‘ ‘, rồi đọc lên cho đúng.

II – Chính tả (nghe đọc): Bà Trưng.

1. Bài viết: Cả bài.

2. Viết đúng:

- Bà Trưng, Châu Phong, Long Biên, Tô Định, Mê Linh, Lĩnh Nam.

- giận, lời nguyện, áng, triều đình.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

- chồng hay trồng: vợ..., ... cây, ... chất, ... trọt.
- chầu hay triều: buổi ..., thủy ..., ... gió ... đình.

b) Em tìm trong bài xem có mấy chữ viết bằng 1 chữ cái, mấy chữ viết bằng 6 chữ cái? Hãy viết lại cho đúng.

TỪ NGỮ

LÒNG YÊU NƯỚC

I – Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Tò quốc, lòng yêu nước, lịch sử, anh hùng dân tộc.

Nông nàn, tự hào, vẻ vang, quý báu.

Xâm lược, khởi nghĩa, kháng chiến.

- Yêu nước thương nòi.

II – Bài tập:

1. Điền các từ thích hợp ở mục I vào chỗ trống:

Trong..., nước ta có nhiều thời kì bị bọn giặc nước ngoài kéo đến... Đi đến đâu chúng cũng tàn phá đất nước ta, giết chóc nhân dân ta. Nhân dân ta đã anh dũng đứng lên tỏ chức... chống lại chúng. Trong các cuộc kháng chiến đó, đã xuất hiện nhiều vị... có công với nước. Chúng ta vô cùng ... về những trang lịch sử anh hùng đó.

2. Cho các từ: lịch sử, kháng chiến, quý báu, vẻ vang; trong các từ đó, từ nào điền vào những chỗ trống dưới đây đúng hơn cả:

Dân tộc ta có nhiều trang ... rất...

DẤU CHẤM CẢM (tiếp theo)

1. Hạnh đang chuẩn bị sách vở, chợt có tiếng gọi:

— Hạnh ơi! Đi học!

Mẹ gọi Hạnh:

— Nhanh lên con! Bạn Phương gọi con đây.

Nhận xét. «Đi học!», «Nhanh lên con!», là những lời yêu cầu hoặc ra lệnh cho người khác. Cuối các câu này đều có dấu chấm cảm.

— Dấu chấm cảm còn được đặt cuối các câu yêu cầu hoặc ra lệnh cho người khác làm một việc gì.

— Khi đọc, gặp các câu có dấu chấm cảm phải thay đổi giọng cho phù hợp với tình cảm được diễn đạt trong câu đó.

2. Đọc đoạn văn sau, chú ý đọc đúng giọng các câu có dấu chấm cảm.

Chiếc xe đi đầu bỏ tới.

Một trăm mét rồi. Ba nói nhỏ:

— Bắn được rồi, anh Nghiêu!

— Khoan đã, nó có thấy mình đâu, cứ đề yên!

Năm mươi mét. Văn ngất vào đùi Nghiêu một cái:

— Kìa!

Giọng Nghiêu nghiêm khắc:

— Theo mệnh lệnh tôi, nằm yên!

Ba mươi mét.

— Đề yên nghe — Nghiêu thì thảo — Hề tôi nỏ là tiều liên, thủ pháo bồi luôn, nghe!

... Nghiêu co chân đạp một cái vào người tở viên tiều liên, rồi như một ánh chớp, anh đứng vụt dậy...

NGUYỄN TRUNG THÀNH

★★3. Hiền đến rủ Hòa đi học Hòa còn bận xếp sách vở nên bảo bạn chờ mình một chút. Em hãy viết lại đoạn nói chuyện đó và chú ý dùng dấu chấm cảm đúng chỗ.

TẬP LÀM VĂN

I — Kể lại câu chuyện đã nghe (Bài làm viết).

A — Đề bài: Kể lại chuyện Ông Gióng (Kể chuyện lớp 1)

— Câu hỏi

1. Ngày xưa có một em bé khác thường như thế nào? Nghe tin nhà vua cần người tài giỏi ra đánh giặc, em bé đã làm gì?

2. Đề cậu Gióng có sức khỏe đi đánh giặc, dân làng đã nuôi cậu ấy ra sao? Nhà vua đã làm những gì đề chuẩn bị cho Ông Gióng đi đánh giặc?

3. Ông Gióng đã đánh giặc với sức mạnh khác thường như thế nào? Kết quả ra sao?

4. Sau khi phá xong giặc, Ông Gióng đã làm gì?

II — Trả bài viết: «Chuyện Ông Gióng».

TUẦN LỄ THỨ 23

21. HỘI NGHỊ DIÊN HỒNG

Vua Nhân Tông trình trọng hỏi các bô lão:

– Nước Đại Việt ta tuy là một nước nhỏ ở phương nam nhưng luôn bị nước ngoài nhòm ngó... Tự cổ xưa đến giờ thật chưa có khi nào giặc mạnh và hung hãn như ngày nay. Chúng sẽ kéo sang năm mươi vạn quân, bảo rằng: «Vó ngựa Mông Cồ đi đến đâu, cỏ không mọc được ở chỗ ấy!» Vậy nên liệu tính sao?

Mọi người xôn xao tranh nhau nói:

– Xin bệ hạ cho đánh!

– Thưa, chỉ có đánh!

Nhà vua nhìn những khuôn mặt đẹp lồng lộng, hỏi lại một lần nữa:

– Nên hòa hay nên đánh?

Tức thì muôn miệng một lời:

– Đánh! Đánh!

Điện Diên Hồng như rung chuyển. Người người sục sôi.

Nhà vua trẻ, mắt long lanh, gương mặt hồng hào phản chiếu ánh lửa đuốc cháy bập bùng.

LÊ VĂN

– Bô lão: tiếng gọi thời xưa đối với các cụ già đồ tể ý kính trọng.

– Bệ hạ: tiếng chỉ nhà vua. Ở trong bài, chỉ vua Trần Nhân Tông.

– Vó ngựa Mông Cồ: chỉ đạo quân xâm lược Mông Cồ tức là quân Nguyên (thời xưa quân Mông Cồ thường dùng ngựa ra trận).

– Điện Diên Hồng: điện là nơi vua ngự hoặc là đền thờ thánh; Diên Hồng là tên một điện trong cung vua thời nhà Trần.

★1. Câu nói nào của vua Nhân Tông cho thấy tình thế nước ta lúc ấy rất nghiêm trọng?

2. Vua Nhân Tông đã dùng hình ảnh nào để nói lên sức mạnh và thái độ kiêu ngạo của giặc Mông Cồ lúc ấy?

3. Những từ ngữ và câu nói nào thể hiện ý chí quyết một lòng đánh giặc của các bô lão?

4. Khí thế quyết chiến quyết thắng của cả vua tôi nhà Trần được miêu tả trong đoạn cuối bằng những câu nào? Em hãy đọc những câu đó lên.

5. Đặt câu với từ «sục sôi».

22. TÌNH QUÂN DÂN

(Học thuộc lòng)

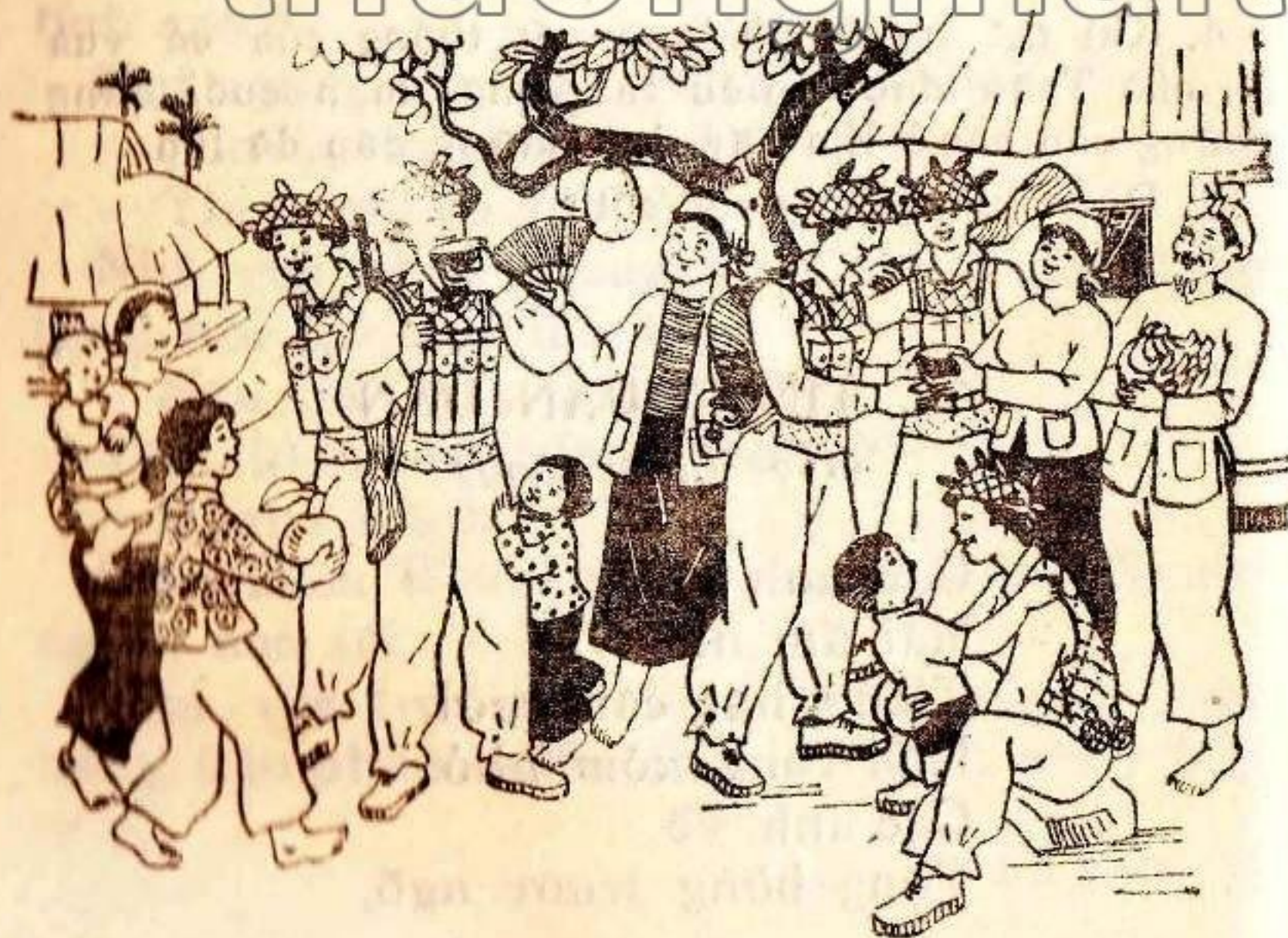
Các anh về
Mái ấm nhà vui,
Tiếng hát câu cười
Rộn rảng xóm nhỏ
Các anh về
Tung bừng trước ngõ,

Lộp lộp dần em hơn hờ theo sau
Mẹ già bịn rịn áo nâu
Vui dần con ở rừng sâu mới về.

Làng tôi nghèo
Mái lá nhà tranh
Các anh về
Xôn xao làng bé nhỏ.

Nhà lá đơn sơ
Tấm lòng rộng mở
Nồi cơm nấu dờ
Bát nước chè xanh
Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau.

HOÀNG TRUNG THÔNG



★1. Em hãy tìm những dòng thơ diễn tả niềm vui mừng của nhân dân khi đón các anh bộ đội về làng.
Hình ảnh nào, việc làm nào thể hiện tấm lòng yêu mến bộ đội của nhân dân?

3. Em hãy đếm số chữ ở những dòng thơ. Dòng ngắn nhất có mấy chữ, dòng dài nhất có mấy chữ?

4. Đặt câu với từ « xôn xao »

23. CON VOI CỦA TRẦN HUNG ĐẠO

Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, trên đường tiến quân, voi của Trần Hưng Đạo bị sa lầy. Quân sĩ cùng nhân dân trong vùng tìm đủ mọi cách để cứu voi nhưng vô hiệu. Bùn lầy nhão, voi to nặng mỗi lúc một lún thêm mà nước triều lại đang lên nhanh. Vì việc quân cấp bách, Trần Hưng Đạo đành để voi ở lại. Voi chảy nước mắt nhìn vị chủ tướng ra đi.

Có lẽ vì thương tiếc con vật khôn ngoan có nghĩa với người, có công với nước nên khi hô hào quân sĩ, Trần Hưng Đạo đã trở xuống dòng sông Hóa thề rằng: « Chuyến này không phá xong giặc Nguyên, thề không về đến bến sông này nữa! » Lời thề bất hủ đó của Trần Hưng Đạo đã được ghi chép trong sử sách. Nhân dân địa phương đã đắp mộ cho voi, xây tượng voi bằng gạch, sau tạc tượng đá và lập đền thờ con voi trung hiếu này.

Ngày nay, sát bên bờ sông Hóa còn một gò đất nổi lên rất lớn. Tương truyền đó là mộ voi ngày xưa.

ĐOÀN GIỎI

— *Sa lầy*: ngập sâu vào bãi đầy bùn và nước, không rút chân ra được.

— *Vô hiệu*: không có kết quả gì.

— *Cấp bách*: rất cần kíp. Ở đây ý nói cần phải đi ngay đề còn kịp đánh giặc.

— *Chủ tướng*: vị tướng đứng đầu. Ở đây chỉ Trần Hưng Đạo.

— *Tương truyền*: lời dân gian kể lại cho nhau từ đời này đến đời khác.

— *Bất hủ*: ý nói còn mãi mãi.

★ 1. Vì sao Trần Hưng Đạo phải bỏ voi lại?

2. Hình ảnh nào tả thái độ con voi khi chủ tướng ra đi? Trần Hưng Đạo có tình cảm gì với con voi?

3. Quyết tâm tiêu diệt giặc của Trần Hưng Đạo được thể hiện qua câu nói nào?

4. Từ ngữ nào trong bài nói về con voi giống như nói về một chiến sĩ?

5. Tìm từ ghép với từ « trung » (ví dụ: trung hiếu...)

24. NÊN VÀ KHÔNG NÊN

(Bài đọc thêm)

Nên

- Ăn hiền ở lành.
- Ăn ngay ở thẳng.
- Ăn cho đều, tiêu cho sòng.
- Ăn ở như bát nước đầy.
- Ăn lấy chắc, mặc lấy bền.
- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Không nên

- Ăn ốc nói mò
- Ăn không nói có
- Ăn gian nói dối
- Ăn không ngồi rồi
- Ăn bơ làm biếng
- Ăn xổi ở thì.

CHÍNH TẢ

I — Chính tả (nghe đọc): Hội nghị Diên Hồng

1. Bài viết: « Vua Nhân Tông... chỉ có đánh! » và câu cuối bài.

2. Viết đúng:

Diên Hồng, Nhân Tông, Đại Việt, Mông Cồ.

— hội nghị, trịnh trọng, nước ngoài, nhòm ngó

— gương mặt, phản chiếu, ánh lửa đuốc.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

— mặt hay mặc: ... trời, ... áo, ... mũ; ... cá.

— ng hay ngh: ...ây xưa, nước ...oài, nhòm ...ó,

vó ...ạ, khởi ...ĩa, ...uy ...ập, ...e ...óng, ...ĩ ...ợi, ...âu ...ao, ...ộ ...ĩnh, ...iêm ...ặt.

II — Chính tả (so sánh): Phân biệt các phụ âm đầu r, gi, d.

1. Bài viết: Nối dây cho điều.

Dán điều dán hết buổi chiều

Vì trời dửng gió nên điều quay quay

Hay điều chề ngán tằm dấy

Không leo kịp gió kịp mây kịp trời

Gió kia đã nổi lên rồi,

Dây này tôi nối, xin mời điều lên.

CHU HỒNG QUY

1. Viết đúng:

— dân, diều, dây, gió, rồi.

— leo, kia, xin, quay

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

— rán, gán hay dán: bánh..., con..., hồ...

— rây, gây hay dấy: cái..., phút..., sợi...

— rồi, rồi hay rồi: xong..., ăn không ngồi...,
... đào, trau...

TỪ NGỮ

BẢO VỆ TÒ QUỐC

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Giặc ngoại xâm, bộ đội, tự vệ, du kích, dân quân, chiến sĩ, sĩ quan, chiến dịch.

— Anh dũng, mưu trí, chiến đấu, chiến thắng

— Quan dân một lòng

II — Bài tập:

1. Điền các từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, ở miền bắc, ... kết hợp với các anh chị em... ở các xí nghiệp, ... trong các xóm làng đã... chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ. Ở miền Nam, quân giải phóng kết hợp với... ở khắp nơi liên tục tiến công địch. Cuối cùng, với... Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đã hoàn toàn...

2. Đặt câu với mỗi từ: chiến sĩ, sĩ quan, dũng cảm.

NGỮ PHÁP

DANH TỪ

1. Em hãy gọi tên những người, đồ vật, cây cối, loài vật... ở xung quanh em (ví dụ: cô giáo, bạn, em, mèo...).

Nhận xét: Mỗi người, mỗi đồ vật, cây cối, loài vật... đều có một từ để gọi.

Kết luận: Các từ để chỉ người, vật, đồ vật, cây cối... gọi là danh từ

Danh từ là từ chỉ người, chỉ loài vật, cây cối, đồ vật,...

2. Trong câu văn sau, từ nào là danh từ:

Nhân dân địa phương đã đắp mộ cho voi, xây tượng voi bằng gạch, sau tác tượng đá và lập đền thờ con voi này.

3. Em hãy kể tên các đồ dùng học tập của em.

TẬP LÀM VĂN

I — Kể lại câu chuyện đã nghe (Bài làm viết).

A — Đề bài: Kể lại câu chuyện « Ai ngoan sẽ được thưởng » (Kể chuyện lớp 1)

B — Câu hỏi:

1. Khi thấy Bác Hồ đến thăm trại nhi đồng, các cháu đã làm gì?

2. Bác đã trò chuyện với các cháu những gì? Bác cho các cháu gì?

3. Vì sao Tộ lại được Bác khen?

II — Trả bài viết: « Ai ngoan sẽ được thưởng »

TUẦN LÊ THỨ 24

25. VƯỢT SÔNG



Ngay đêm hôm ấy, chị Bưởi phải vượt sông Kinh Thầy chuyển công văn từ xã lên huyện. Hai bên bờ quãng sông này, giặc canh phòng rất cẩn mật.

Trên sườn đê, chị Bưởi trườn như con thằn lằn xuống tới bờ sông. Trời càng về khuya càng rét. Chị Bưởi quấn chặt quần áo, công văn lên đầu rồi khẽ nhoài người ra sông. Có tiếng máy ca-nô rì rì đi tới. Chị nhăm tính sẽ vượt sông trong mười phút và khi ca-nô tới thì chị đã thoát sang bên bờ kia rồi. Đến giữa sông, đột nhiên cả mặt sông sáng chói, một chiếc ca-nô lù lù lướt tới. Chị Bưởi bàng hoàng trong giây lát nhưng rồi lại trấn tĩnh được ngay. Một mảng bèo trôi đến, chị vội lấy phủ lên mặt. Đèn pha rọi sáng hai bên bờ sông sục sạo. Chị Bưởi nấp lờ ngay cạnh ca-nô mà bọn giặc vẫn không biết gì hết. Một lát sau, ca-nô nổ máy chạy. Chị Bưởi đã dang hoàng đứng ở bờ bên kia.

Theo NGUYỄN KHÁI

— Công văn: giấy tờ về việc công, thường được chuyển từ cơ quan này tới cơ quan khác.

— Cẩn mật: rất cẩn thận và nghiêm ngặt.

— Ca-nô: một loại thuyền chạy bằng máy có sức chạy nhanh.

— Bàng hoàng: sửng sốt, mất bình tĩnh trước một sự việc xảy ra đột ngột.

— Trấn tĩnh: lấy lại được bình tĩnh.

★ 1. Chị Bưởi vượt sông Kinh Thầy ở quãng sông nào bố trí như thế nào? Những từ ngữ nào diễn tả động tác vượt sông khéo léo của chị?

2. Những hình ảnh nào cho biết chị bị bất ngờ khi đang vượt sông? Chị đã đối phó bằng cách nào?

3. Qua bài văn, em thấy chị Bưởi có những đức tính gì?

4. Tìm các từ, ngữ gần nghĩa với « trườn ».

26. CẢNH KHUYA

(Học thuộc lòng)

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà

HỒ CHÍ MINH

— Cổ thụ: cây to mọc lâu đời.

★ 1. Đêm khuya trong rừng, có tiếng gì vắng lại? Nghe tiếng đó, Bác có cảm giác như thế nào?

2. Câu thơ nào tả ánh trăng chan hòa trên cảnh vật?

★★ 3. Trăng ở đây chiếu lên những cây gì và chiếu như thế nào mà đẹp?

4. Em hiểu « cảnh khuya như vẽ » là như thế nào?

5. Vì sao Bác chưa ngủ được giữa cảnh khuya?

27. EM HÒA

Tuổi mười bốn những ước ao

Buổi đầu cầm súng biết bao là mừng.

Mẹ ơi, súng đẹp quá chừng!

Con đi đánh giặc mẹ đừng lo chi.

Mẹ cười: Thiệt giống cha mi

Chẳng ăn chi cả, cứ đi đánh hoài!

Sớm hôm, củ sắn, củ khoai

Khi đi trinh sát, khi gài mìn chông

Khi ra xung trận giữa đồng

Khi lăn dưới lửa, thoát vòng giặc vây.

Súng này càng bắn càng hay

Một tay em chấp mười tay quân thù.

TỔ HỮU

— Em Hòa: tức Nguyễn Văn Hòa, 14 tuổi, quê ở Bình Trị Thiên. Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước em đã được tuyên dương là dũng sĩ diệt Mĩ, dũng sĩ quyết thắng.

— Xung trận: xông vào trận đánh một cách quyết liệt.

★ 1. Những câu thơ nào diễn tả niềm vui của anh Hòa khi được cầm súng đánh giặc?

2. Hãy kể lại bằng lời của em nội dung đoạn thơ từ câu 5, đến câu thứ 10.

3. Em hiểu câu: « Một tay em chấp mười tay quân thù » là thế nào? Qua đó em thấy anh Hòa có đức tính gì đáng mến?

4. Tìm một số từ gần nghĩa với từ « mừng ».

28. NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP?

(Bài đọc thêm)

Chau Châu nhảy lên gò, chìa cái lưng màu xanh ra phơi nắng. Nó búng chân tanh tách, cọ giữa đôi cẳng:

- Một ngày tuyệt đẹp!

- Thật khó chịu! - Giun Đất thốt lên, cố rúc đầu sâu thêm vào lớp đất khô.

- Thế là thế nào? - Châu Châu nhảy lên.

- Trên trời không một gợn mây, mặt trời tỏa nắng huy hoàng.

- Không! Mưa bụi và những vũng nước đục, đó mới là một ngày tuyệt đẹp! Giun Đất cãi lại.

Chau Châu không đồng ý với Giun Đất. Chúng quyết định đi hỏi.

Vừa hay lúc đó Kiến tha nhánh lá thông đi qua, đỗ lại nghỉ.

Chau Châu hỏi Kiến:

- Kiến ơi, hãy nói giúp xem hôm nay là một ngày tuyệt đẹp hay đáng ghét?

Kiến lau mồ hôi, ngắm nghĩ một lát rồi nói:

- Tôi sẽ trả lời câu hỏi của các bạn sau khi mặt trời lặn nhé.

Mặt trời lặn, chúng đi đến tổ kiến.

- Hôm nay là ngày thế nào hả bác Kiến đáng kính?

- Hôm nay là một ngày tuyệt đẹp! Tôi đã làm việc rất tốt và bây giờ có thể nghỉ ngơi thoải mái.

V. Ô-XÊ-Ê-VA

CHÍNH TẢ

I - Chính tả (nghe đọc): Vượt sông.

1. Bài viết: « Ngày đêm hôm ấy... kia rồi ».

2. Viết đúng:

- Chị Bưởi, sông Kinh Thầy.

- chuyền, lên huyện, trườn, khuya, quán, nhồi, ăn-nô.

- thần lẫn, mười phút.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

- k hay c: con ..ênh, ...inh khủng, lò ...ao, ...àn thận, ...iến ...ường.

- c hay q: bánh ...uốn, ...uốn sách, ...uấn quýt, ...uấn chặt.

b) Em viết lại cho đúng câu ca dao sau:

Ai về Hậu Lộc, Phú Điền

Nhớ đây bà Triệu trận tiền xung phong.

II - Chính tả (nghe đọc): Em Hòa.

1. Bài viết: Cả bài.

2. Viết đúng:

- lo chi, cha mi, xung trận, chấp.

- đánh hoài, thoát vòng.

3. Luyện tập:

a) Viết đúng tên các thiếu niên anh hùng: Kim Đồng, Lê Văn Tám, Dương Văn Nội, Nguyễn Văn Hòa, Đoàn Văn Luyện.

b) Điền vào chỗ trống:

- ao hay ô: h... bình, hồng h..., cười x..., rì r..., lò x..., lò x...

TỪ NGỮ

BẢO VỆ TÒ QUỐC (tiếp theo)

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Mìn, chông, súng, bộ binh, pháo binh, không quân, chiến công.

- Trung kiên, bất khuất, hiên ngang, gan dạ, tiến công.

- Lừng lẫy chiến công, anh hùng quân đội.

II - Bài tập:

1. Điền các từ thích hợp vào những chỗ trống:

Chị Mạc Thị Bưởi là một chiến sĩ giao thông... Chị đã lập nhiều... Khi bị giặc bắt, chị tỏ thái độ... và ... trước quân thù. Chị hi sinh anh dũng và được truy tặng danh hiệu...

2. Tìm các từ bắt đầu bằng tiếng « chiến » (ví dụ: chiến công...)

3. Đặt câu với mỗi từ: tiến công, bộ binh, không quân.

NGỮ PHÁP

CÁCH VIẾT HOA DANH TỪ RIÊNG

1. Em hãy kể tên một bạn trong tổ của em (ví dụ: Hùng...)

Em hãy kể tên xã (phố), huyện (quận), tỉnh (thành phố) nơi em đang ở (ví dụ: xã Tịnh Hòa, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Nghĩa Bình)

2. Hỏi: Mỗi tên em vừa kể là tên gọi của một người, một địa phương... hay của nhiều người, nhiều địa phương?

Trả lời: Đó là tên riêng để gọi một người hoặc một địa phương

Kết luận: Các tên đó đều là danh từ riêng.

1. Những danh từ dùng để chỉ tên riêng của một người, một địa phương hoặc một con sông, một ngọn núi... gọi là danh từ riêng. Danh từ riêng, bao giờ cũng phải viết hoa.

2. Tên riêng người (gồm họ, chữ đệm và tên), tên riêng địa phương hoặc sông, núi (gọi chung là tên riêng địa lí) của Việt Nam đều phải viết hoa chữ cái đầu mỗi tiếng.

3. Em viết lại tên các tỉnh và thành phố ở nước ta mà em biết.

4. Em viết lại tên riêng (gồm cả họ, chữ đệm và tên) của các bạn trong tổ em.

TẬP LÀM VĂN

I - Kể lại câu chuyện đã nghe (Bài làm viết).

A - Đề bài: Kể lại câu chuyện « Cây khế » (Kể chuyện lớp 2).

B - Câu hỏi:

1. Hai anh em chia nhau gia tài ra sao? Người em được gì và phải làm gì để sống?

2. Chim lạ đến ăn khế của người em như thế nào? Chim trả ơn cho người em ra sao?

3. Người anh tham lam đã làm gì? Cuối cùng cuộc đời của hắn kết thúc như thế nào?

II - Trả bài viết: « Cây khế ».

TUẦN LỄ THỨ 25

29. CA DAO KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ

– Đèo cao thì mặc đèo cao
Trèo lên đến đỉnh, ta cao hơn đèo
Đường lên hoa lá vẫy theo
Dắt hoa cài mũ tai bèo ta đi.

– Ta đi trăng cũng đi theo
Đường xa dốc núi đỉnh đèo trăng soi
Bây giờ trăng đã ngủ rồi
Ta đi lòng vẫn sáng ngời ánh trăng.

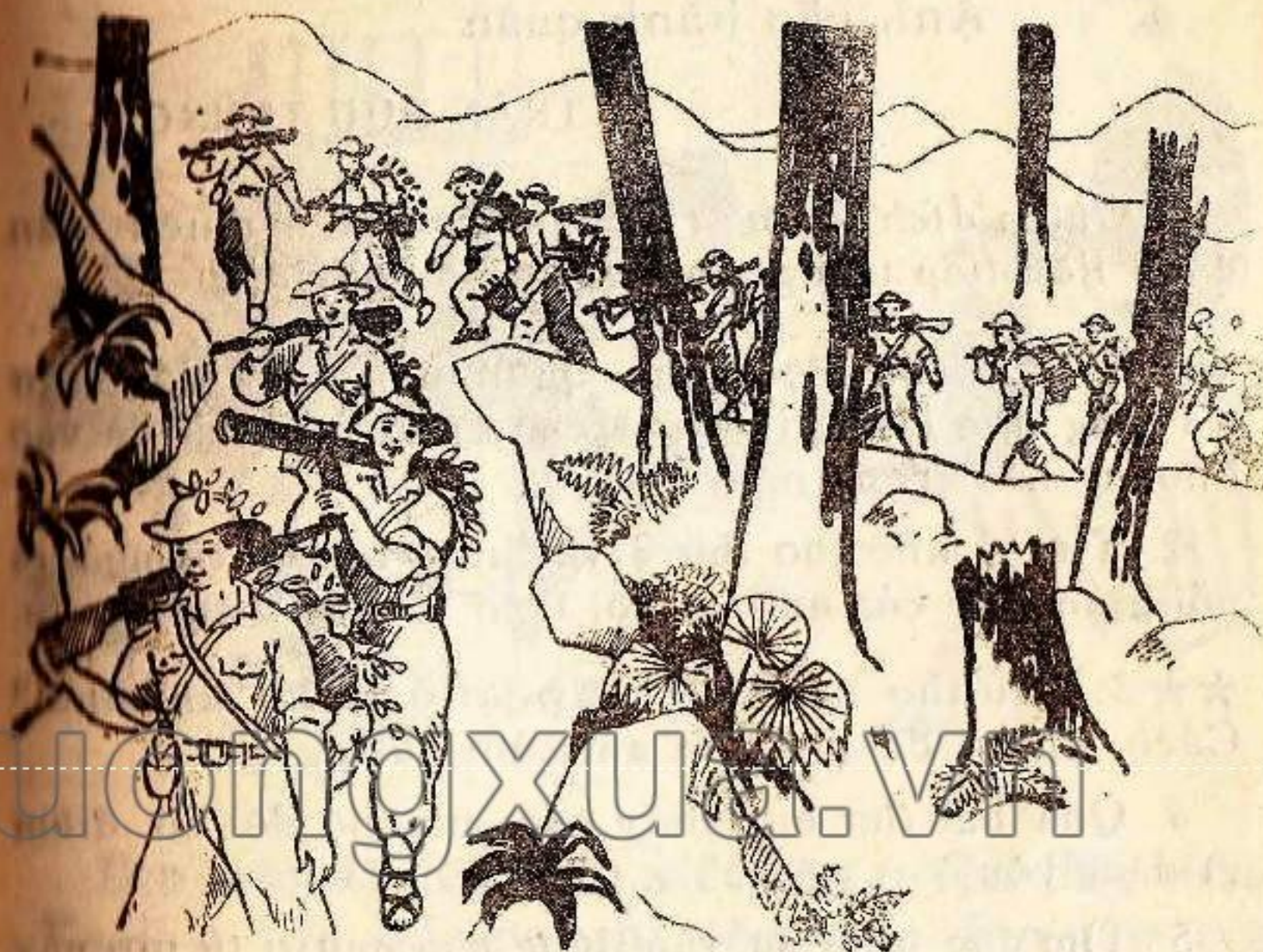
★ 1. Qua hai câu đầu của bài ca dao, em thấy anh bộ đội có sợ đèo cao không? Những từ ngữ nào cho em thấy rõ điều đó?

2. Những câu nào nói lên niềm vui của anh bộ đội đi đánh Mĩ?

3. Anh bộ đội và trăng thật thân thiết. Em hãy tìm các từ ngữ trong bài ca dao thứ 2 diễn tả mối quan hệ thân thiết này?

★★ 4. Em hãy tìm một từ gần nghĩa thay thế từ «ngủ» trong hình ảnh «trăng đã ngủ rồi».

30. ANH VẪN HÀNH QUÂN (Học thuộc lòng)



Anh vẫn hành quân
Trên đường ra chiến dịch
Mé đôi quê anh bước
Trăng non ló đỉnh rừng...

Anh vẫn hành quân
Lung đèo qua bãi suối
Xắc ngang đầu anh gối
Súng kề tay anh cầm.

Trời lại mưa lâm thâm
Gió xoay chiều rét dữ
Bên cầu em thấy chừ
Anh vẫn hành quân

TRẦN HỮU THUNG

— *Chiến dịch*: một trận đánh lớn gồm nhiều trận đánh liên tiếp trong một thời gian nhất định.

★★ 1. Anh bộ đội hành quân đi đâu? Câu thơ «Trăng non ló đỉnh rừng» cho em biết lúc đó là vào khoảng nào trong ngày?

2. Tìm ở khổ thơ thứ 2 và thứ 3 những từ ngữ tả nỗi gian khổ của anh bộ đội trên đường hành quân.

★★ 3. Câu thơ nào được lặp lại ở cả ba khổ thơ? Cách lặp lại đó gợi cho em cảm tưởng gì?

4. Qua bài thơ em thấy các anh bộ đội có điểm gì đáng yêu?

5. Tìm các từ tả sự vận động của người từ nơi này đến nơi khác (ví dụ: ra, bước ...).

31. VÀO NGHỀ

Hè năm ấy, Va-li-a theo bố mẹ đi xem xiếc. Em thích nhất tiết mục «Cô gái phi ngựa đánh đàn». Va-li-a nghĩ: «Cô ấy xinh đẹp, dũng cảm thật» Và em mơ ước trở thành diễn viên phi ngựa.



Dịp may đã đến. Rạp xiếc cần tuyển diễn viên. Va-li-a xin bố mẹ ghi tên học. Em gặp ông giám đốc và nói:

— Xin bác nhận cho cháu vào học tiết mục «Phi ngựa đánh đàn».

— Được — Ông giám đốc nhìn em cười — Thế cháu biết phi ngựa chưa?

— Chưa, nhưng cháu rất thích và sẽ học được.

— Tốt, bây giờ cháu cầm cái chổi kia theo bác.

Va-li-a theo ông giám đốc ra chuồng ngựa. Ông giám đốc nói:

— Việc trước tiên của cháu là quét chuồng ngựa và làm quen với con ngựa này, bạn biểu diễn của cháu đấy.

Va-li-a suy nghĩ rồi cầm chổi quét phân và rác bừa trên sân chuồng. Ông giám đốc gật đầu cười bảo Va-li-a:

— Công việc của diễn viên « Phi ngựa đánh đàn » bắt đầu thế đấy, cháu ạ. Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên...

Trích « chuyện vui lao động »

★ 1. Đi xem xiếc về, Va-li-a mơ ước điều gì? Vì sao?

2. Việc đầu tiên của Va-li-a khi được nhận vào học ở rạp xiếc là làm gì?

3. Ông giám đốc đã dùng hình ảnh gì để giải thích về việc làm đầu tiên của Va-li-a? Em hiểu câu nói đó như thế nào?

★ ★ 4. Em dự đoán xem Va-li-a có thể trở thành diễn viên xiếc được không? Vì sao?

5. Tìm một số từ gần nghĩa với từ « tuyên ».

32. TỤC NGŨ VỀ THIÊN NHIÊN THỜI TIẾT

(Bài đọc thêm)

- Trời nắng mau trưa, trời mưa mau tối.
- Đêm tháng năm, chưa năm đã sáng
Ngày tháng mười, chưa cười đã tối.
- Tháng ba u ám thì nắng
Tháng tám u ám thì mưa.
- Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.
- Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

— Móng bên đông, vòng bên tây, chẳng mưa
đây cũng bão giạt.

— Mỡ gà thì gió, mỡ chó thì mưa.

— Trăng quầng thì hạn, trăng tán thì mưa.

CHÍNH TẢ

I — Chính tả (trí nhớ): Tình quân dân.

1. Bài viết: Khở thơ đầu và khở thơ cuối (14 câu thơ).

2. Viết đúng:

— lớp lớp, bìn rịn, đơn sơ, nấu dờ.

— chè xanh, chuyện tâm tình.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

— xơ hay sơ: đơn ..., xác ..., ... sài, ... mướp.

— dờ hay đồ: ... đang, ... hàng, ... tay, ... mái nhà.

b) Điền x hay s vào chỗ trống (bài tập vui):

Ông ...ay rượu đến nhà máy ...ay, ngã lẩn quay, không ...ao dậy được. Ông nhìn ...ao ở khoảng trời ...a thấy như ...ao ...a xuống.

II — Chính tả (nghe đọc): Ca dao kháng chiến chống Mĩ.

1. Bài viết: Cả bài.

2. Viết đúng:

— trèo lên đỉnh, dặt hoa, tai bèo, sáng ngời

— vẫy theo, vẩn.

3. Luyện tập:

— trèo hay chèo: leo ..., mái ..., ... núi, ... thuyền, ... bèo.

— vẫy hay vẩy: ... tay, ... cá, ... đuôi, ... nước quyết nhà, vùng ...

ÔN TẬP

1. Thế nào gọi là giặc ngoại xâm? Em có biết những giặc ngoại xâm nào đã xâm lược nước ta?

2. Khi dân tộc ta phải sống dưới ách nô lệ của giặc nước ngoài thì những người yêu nước đã lãnh đạo nhân dân ta làm gì?

Khi đất nước có giặc ngoại xâm thì nhân dân ta phải làm gì?

3. Tìm một số từ có thể ghép với: lòng yêu nước (ví dụ: lòng yêu nước nồng nàn).

4. Chiến công là gì? Anh hùng dân tộc là người đã làm gì? Kể tên các vị anh hùng dân tộc trong lịch sử nước ta mà em biết.

5. Đặt câu với mỗi từ: hiên ngang, anh dũng, quân đội.

6. Tìm các từ có hai tiếng trong đó có một tiếng là «dùng» (ví dụ: dùng cảm...)

NGỮ PHÁP

CÁCH VIẾT HOA DANH TỪ RIÊNG (tiếp theo)

- Hè năm ấy, Va-li-a theo bố mẹ đi xem xiếc.
— Ki-ép là một thành phố lâu đời của Liên Xô.
- Nhận xét: «Va-li-a» là tên riêng người nước ngoài. «Ki-ép» là tên một địa phương nước ngoài. Hai từ đó đều là danh từ riêng. Chúng gồm nhiều tiếng đọc liền nhau nên chỉ viết hoa chữ cái của tiếng đầu giữa các tiếng có dấu gạch nối.

Các danh từ riêng của nước ngoài thường gồm nhiều tiếng đi liền nhau. Khi viết hoa, chỉ viết hoa chữ cái đầu của tiếng đầu tiên, giữa các tiếng có dấu gạch nối.

3. Chép lại đoạn văn sau, chú ý viết hoa đúng các danh từ riêng nước ngoài:

Người đầu tiên bay vào vũ trụ là chú I-u-ri Ga-ga-rin. Tiếp sau đó là Ghéc-man Ti-tốp. Gần đây chú Go-rơ-bát-scô và chú Phạm Tuân đã hoàn thành xuất sắc chuyến bay vào vũ trụ.

4. Em ghi lại tên các thủ đô và thành phố nước ngoài mà em biết.

II. BÀI LÀM VĂN
1. Kể lại công việc đơn giản đã làm (Bài làm miệng).

A — Đề bài: Kể lại việc rửa mặt buổi sáng.

B — Câu hỏi:

1. Hằng ngày thức dậy, em thường rửa mặt vào lúc nào?

2. Em hãy kể lần lượt:

a) Trước khi rửa mặt, em làm gì?

b) Em đã rửa mặt như thế nào?

c) Sau khi rửa mặt xong, em làm gì?

3. Rửa mặt, chải đầu xong, em cảm thấy ra sao?

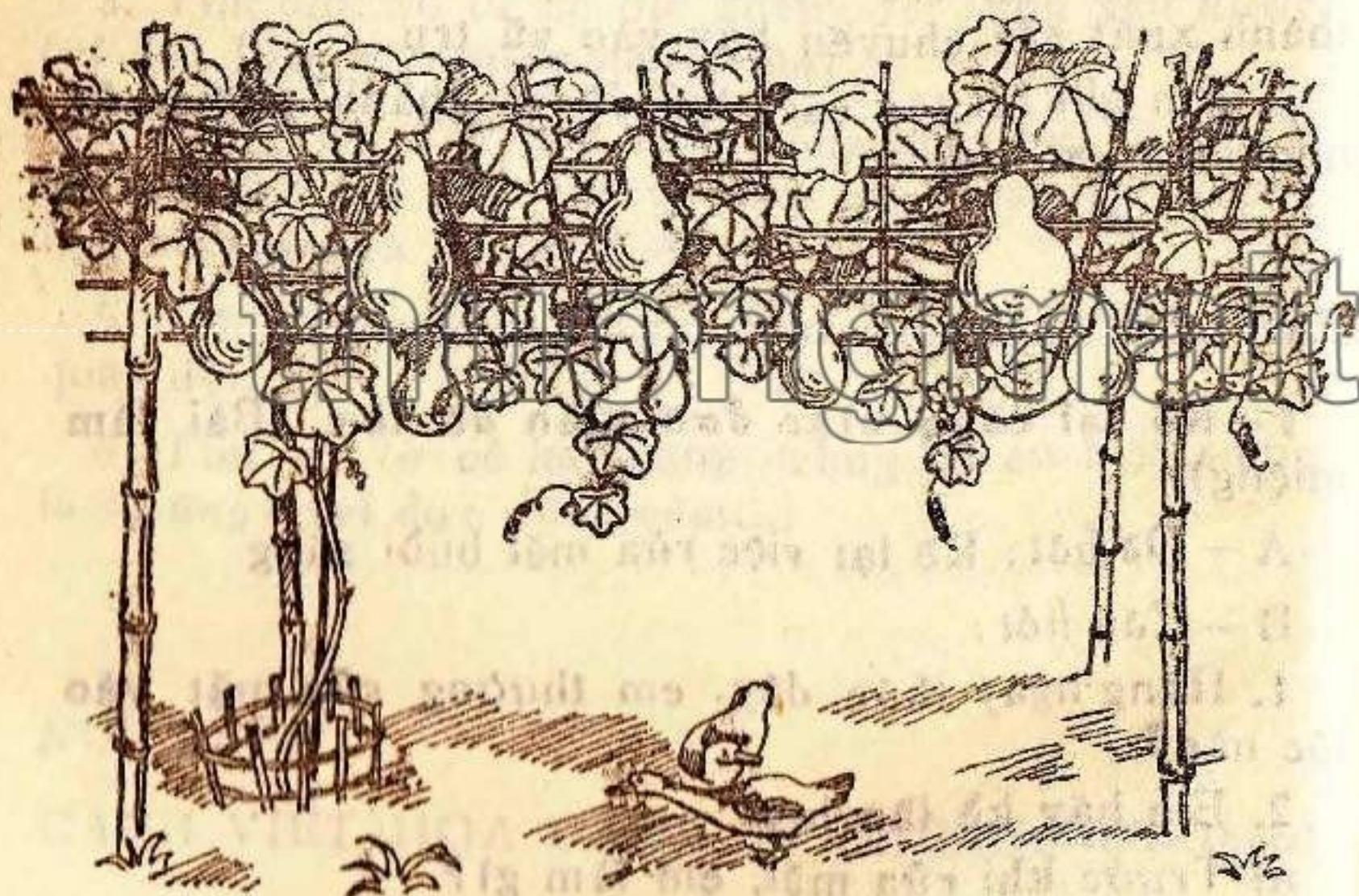
II — Bài làm viết:

Đề bài: Kể lại việc rửa mặt buổi sáng.

(Dựa vào những câu hỏi trong bài đã làm miệng để viết thành một đoạn văn ngắn).

TUẦN LỄ THỨ 26

33. GIÀN BẦU NẬM



Giàn bầu nậm ngoài sân, dây leo và lá chằng chịt lấp kín ở giàn nửa. Giàn bầu đã làm dịu hẳn cái nắng thẳng từ ở trước mặt nhà. Ánh nắng đổ xuống giàn, khi lọt xuống sân bị cái cốt xanh ngắt của cây lá lọc qua một lượt. Chiều đang hấp háy mắt, ngừng đầu ngắm những quả bầu nậm buông thông ngang mặt,

Cái áo trắng Chiều mặc biến thành áo lụa màu xanh. Trận gió nam từ ngoài lũy tre thưa đưa vào làm va đập những bình rượu của tự nhiên... Trái bầu nậm còn tươi lũng lẳng dưới giàn như một cái bình rượu tạc bằng khối ngọc bích đều sắc, nhẵn và bóng.

Theo NGUYỄN TUÂN

- ★ 1. Hình ảnh nào trong bài cho thấy giàn bầu rất tươi tốt?
- 2. Vì sao đứng dưới giàn bầu, chiếc áo trắng của Chiều lại biến thành chiếc áo màu xanh?
- 3. Tác giả đã so sánh trái bầu nậm với cái gì?
- 4. Tìm từ gần nghĩa với từ "ngắm".

34. GIẾNG ĐẸP XÓM EM

(Học thuộc lòng)

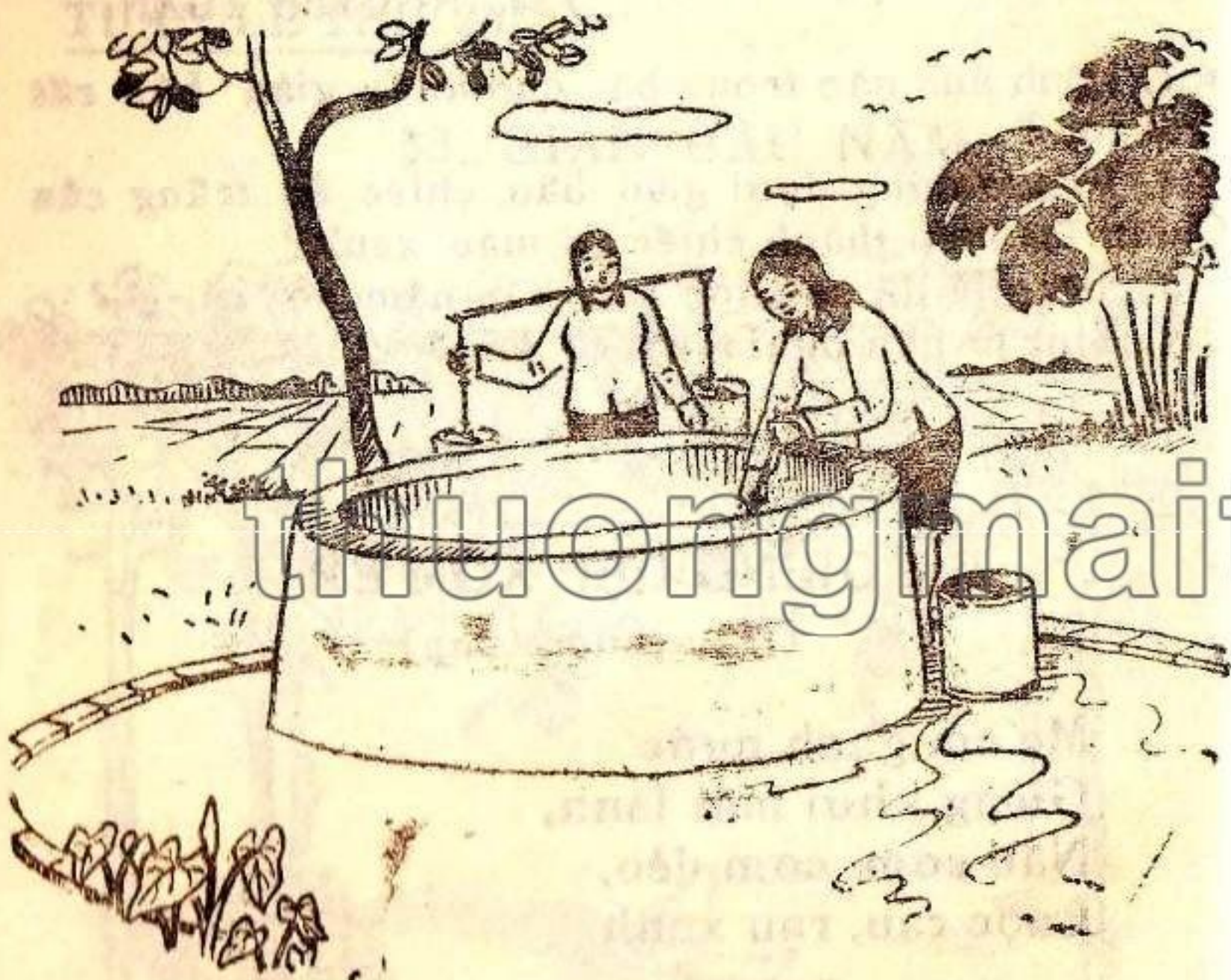
Mẹ em gánh nước
Giếng khơi mát lành,
Nấu cơm, cơm dẻo,
Luộc rau, rau xanh

Gội đầu tóc mượt
Rửa tay trắng hồng,
Một gầu nước mát,
Nghe ơi, thích không?...

Cúi nhìn giếng nước,
Em thấy mây bay,
Thấy trời rộng rộng,
Vườn xanh bóng cây.

Giếng đẹp xóm em,
Ai tới mà xem
Đêm nhìn mặt nước
Trắng vàng hiện lên.

(Tập đọc lớp Ba - 1980)



— Giếng khơi: còn gọi là giếng khơi — giếng đào sâu xuống đất để lấy nước ngầm. Giếng thường được xây bằng đá ong hay gạch

★ 1. Những dòng thơ nào nói ích lợi của nước giếng khơi?

2. Những hình ảnh nào tả vẻ đẹp của giếng mỗi lần em cúi nhìn?

3. « Lành » và « xanh », « hồng » và « không » là những tiếng vần với nhau. Em tìm xem chúng nằm ở vị trí nào trong các dòng thơ?

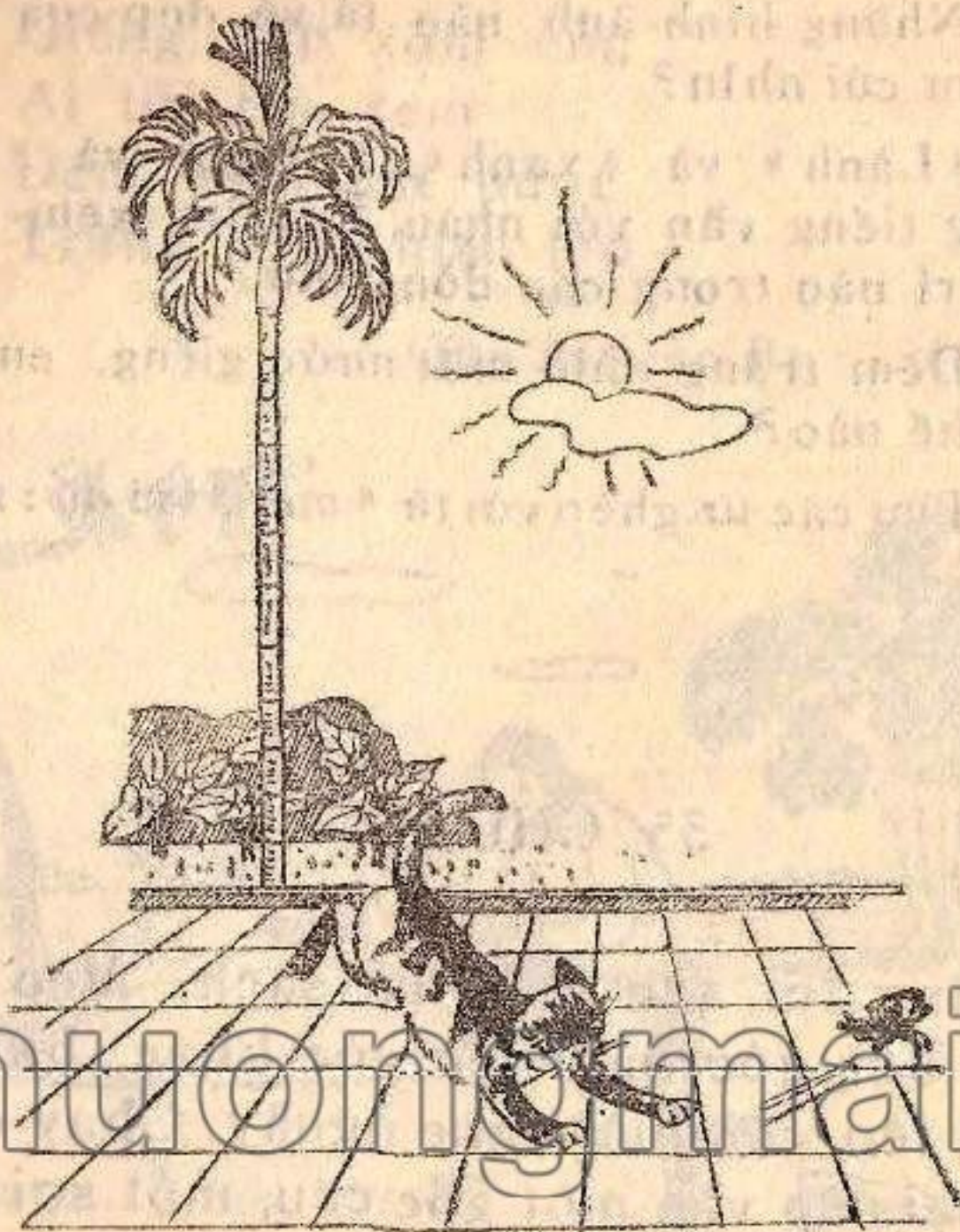
4. Đêm trăng nhìn mặt nước giếng, em thấy đẹp như thế nào?

5. Tìm các từ ghép với từ « mát » (ví dụ : mát lành...)

35. CHÚ MÈO CON

Nắng ấm, sân rộng và sạch. Mèo con chạy tròn hết góc này đến góc khác, hai tai dựng đứng lên, cái đuôi ngoe nguẩy. Chạy chán, mèo con lại nép vào một gốc cau, một sợi lông cũng không động: nó rình một con bướm đang chập chờn bay qua. Bỗng cái đuôi quất mạnh một cái, mèo con chồm ra. Thôi hụt rồi!...

Mèo con nhảy một cái thật cao theo bướm, rồi cuộn tròn lăn lông lốc giữa sân, cho đến lúc chạm bịch vào gốc cau. « Rì rào, rì rào, con mèo nào mới về thế? » Cây cau lắc lư chồm lá trên cao títt hời xuống. « Rì rào, rì rào, chú bé leo lên dây nào ». Mèo con ôm lấy thân cau, trèo nhanh thoăn thoắt. « Rì rào, rì rào, ừ chú trèo khá đấy ». Mèo con ngửa vuốt, cào cào thân cau sồn sột. « Ấy, ấy! Chú làm xước cả mình tôi rồi. Đồ vuốt sắc mà bắt chuột chứ! » Mèo con tiu



nghe cúp tai lại, tụt xuống đất. Rì rào, rì rào,
chòm cau vẫn lắc lư trên cao.

Mèo con lại nằm dài sưởi nắng và ngẫm nghĩ.

NGUYỄN ĐÌNH THỊ

★1. Tìm những từ ngữ tả các động tác của chú mèo con đang nghịch ngợm và vồ bắt con bướm ngoài sân?

2. Cây cau nói những gì với chú mèo con?

3. Chú mèo con đùa nghịch với cây cau như thế nào?

4. Tìm từ trái nghĩa với từ « nhanh » và từ gần nghĩa với từ « cào ».

36. CÂU ĐỐ

(Bài đọc thêm)

1. Dầu thì trọc lốc
Tóc thì mọc trong
Hai dây thông lòng
Có trong nhà bạn.

(Là vật gì)

2. Là cây mà chẳng có cành
Có quả mà lại rành rành không hoa
Còn dây thì vươn rất xa
Xem bạn đoán thử xem là cây chi?

(Là vật gì)

3. Người một nơi, tiếng một nơi,
Hãy tôi lên tiếng mọi người lắng nghe?

(Là cái gì)

4. Xưa kia là mẹ cỏ cây,
Ra đời khuôn thước nhờ tay con người.
Luyện rèn da dẻ hồng tươi.
Nắng mưa sương gió tôi coi chuyện thường?

(Là vật gì)

CHÍNH TẢ

1. Chính tả (nghe đọc): Giàn bầu nậm.

a. Bài viết: « Giàn bầu nậm... của tự nhiên ».

a. Viết đúng

— Chiếu

— giàn, dây leo, chằng chịt, hấp háy, buông thõng, lầy tre.

— bình rượu.

3. Luyện tập.

a) Điền vào chỗ trống:

- *giàn* hay *dàn*: ... bài, ... mướp, ... xếp, ... giữa.
- *đay*, *giây* hay *rây*: ... điện ... phút ... đưa, ... mực, gà ..., ... bột.

b) Tìm từ điền vào chỗ trống của câu ca dao sau:

- Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác ... nhưng chung một ...

II - Chính tả (so sánh): Phụ âm cuối e, t.

1. Bài viết: Dáng đứng Việt Nam.

Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhất

Nhưng anh gượng đứng lên từ súng trên xác ^{thằng} ~~trục~~

Và anh chết trong khi đang đứng bắn

Tên anh đã thành tên đất nước

Ôi anh Giải phóng quân

Từ dáng đứng của anh giữa đường băng Tân Sơn ^{Nhất}

Tò quốc bay lên bát ngát mùa xuân.

LÊ ANH XUÂN

2. Viết đúng:

- Viết hoa các tên riêng: Việt Nam, Tân Sơn Nhất.

- Viết đúng những chữ in nghiêng, chú ý phân biệt các phụ âm cuối e, t

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

- e hay t: *thứ* nhấ..., nhấ..., *bông*, nhấ..., *định*, nhứ..., *răng*, nhứ..., *nhối*.

- xơ hay xơ: ... ve, xơ ..., ... xơ, chính ..., cộ ..., ... muối.

TỪ NGỮ

CẢNH VẬT NÔNG THÔN

I - Những từ ngữ cần ghi nhớ:

- Giàn bầu, giàn mướp, giếng nước, cây cau, cây đa, lũy tre.

- Um tùm khăng khieu, cao vút, mát lạnh, trong vắt.

II - Bài tập:

1. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống:

Hôm nay Dung về thăm quê. Từ xa em đã nhìn thấy... xanh ngắt của làng mình. Đặt chân trên con đường làng, Dung cảm thấy lòng mình bồi hồi xúc động. Những cảnh vật quen thuộc hiện ra trước mắt em. Ngay đầu làng là một cổ thụ cành lá tỏa bóng mát rợp một quãng đường. Nhiều nhà hai bên đường đều có những hoặc chừa chít quả. Đó đây, thỉnh thoảng lại có những thân ... cao vút. Bên ... cuối làng, nhiều người đang kéo những gàu nước và đổ vào thùng để gánh về nhà.

2. Đặt câu với mỗi từ: cao vút, mát lạnh.

3. Tìm từ trái nghĩa với « khăng khieu ».

NGỮ PHÁP

ĐỘNG TỪ

1. Mèo con nhảy một cái thật cao theo bướm, rồi quộn tròn lăn lông lốc giữa sân, cho đến lúc chạm bịch vào gốc cau.

2. **Hỏi:** Trong câu trên, mèo con làm những động tác gì?

Trả lời: Mèo con làm những động tác: nhảy, cuộn lăn, chạm.

Kết luận: Các từ: nhảy, cuộn, lăn, chạm tả các hoạt động. Các từ đó là động từ.

Động từ là từ chỉ hoạt động của người, loài vật, sự vật.

3. Tìm các động từ chỉ hoạt động của loài vật hoặc sự vật trong đoạn văn sau:

Cây cau lắc lư chòm lá trên cao tít. Mèo con ôm lấy thân cau, trèo nhanh thoăn thoắt. Mèo con cào cào thân cau.

TẬP LAM VĂN

I – **Trà bài viết:** Rửa mặt buổi sáng.

II – **Kể lại công việc đơn giản đã làm** (Bài làm miệng).

A – **Đề bài:** Kể lại việc gấp quần áo.

B – **Câu hỏi:**

1. Em gấp quần áo của ai? Vào lúc nào? Trong trường hợp nào?

2. Em hãy kể lần lượt:

- Em gấp quần áo ở đâu?
- Em gấp thứ nào trước, thứ nào sau?
- Cách em gấp từng thứ như thế nào?
- Gấp xong, em làm gì?

3. Em có cảm nghĩ gì sau khi làm xong công việc?

TUẦN LỄ THỨ 27

37. GIÓ VƯỜN XÀO XẠC

Buổi sáng, mẹ đi làm, bà đi chợ, Liên dắt em ra vườn chơi.

Chơi ở vườn thích thật, có đủ thứ! Con chuồn chuồn đỏ chót đậu trên búp hoa dong riềng trông như một quả ớt chín. Hễ đưa hai ngón tay nháp nháp chạm phải là quả ớt ấy biến mất.

Rồi cái cây «phải bông» lá dày như chiếc bánh quy. Hoa của nó treo lủng lẳng là lủng lẳng từng chùm như những chiếc đèn lồng xanh xanh hồng hồng nhỏ xíu, xinh ơi là xinh!

Rồi cái nạng ba cây đồi, lằng như mặt ghề nộm xe, ngồi êm êm là! Gió trên vòm cây đồi xào xạc.

HỒNG NHƯ

*1. Buổi sáng chơi trong vườn, có những gì mà chị em Liên thích thú?

2. Con chuồn chuồn, lá cây «phải bông» được tả như thế nào?

3. Bạn Liên có cảm tưởng gì khi ngồi trên nạng ba cây đồi?

4. Em tìm trong bài những từ ngữ nói lên niềm thích thú của bạn Liên khi chơi trong vườn.

5. Đặt một câu với từ «xào xạc».

38. TIẾNG HÁT CHÂN TRÂU

(Học thuộc lòng)

Trâu là trâu ơi!
Lúa tốt bởi bởi,
Ruộng nào ruộng nấy
Đầy như mâm xôi.

Trâu là trâu ơi!
Dừng ăn lúa đó.
Bờ ni ngập cỏ
Tha hồ trâu ăn.

Trâu ăn cho no
Cỏ non ngọt xốt
Nước mương trong vắt
Mời trâu xuống đầm

Ngày mai đông xuân
Trâu cày cho khỏe
Nhớ nhé, nhớ nhé
Trâu là trâu ơi!

BIÊN THUY

— Bờ ni: bờ này (tiếng miền trung).

— Ngày mai đông xuân: ý nói vụ cày cấy trồng trọt vào dịp cuối mùa đông gối sang mùa xuân. (Vụ đông xuân thường phổ biến ở nhiều tỉnh miền bắc nước ta).

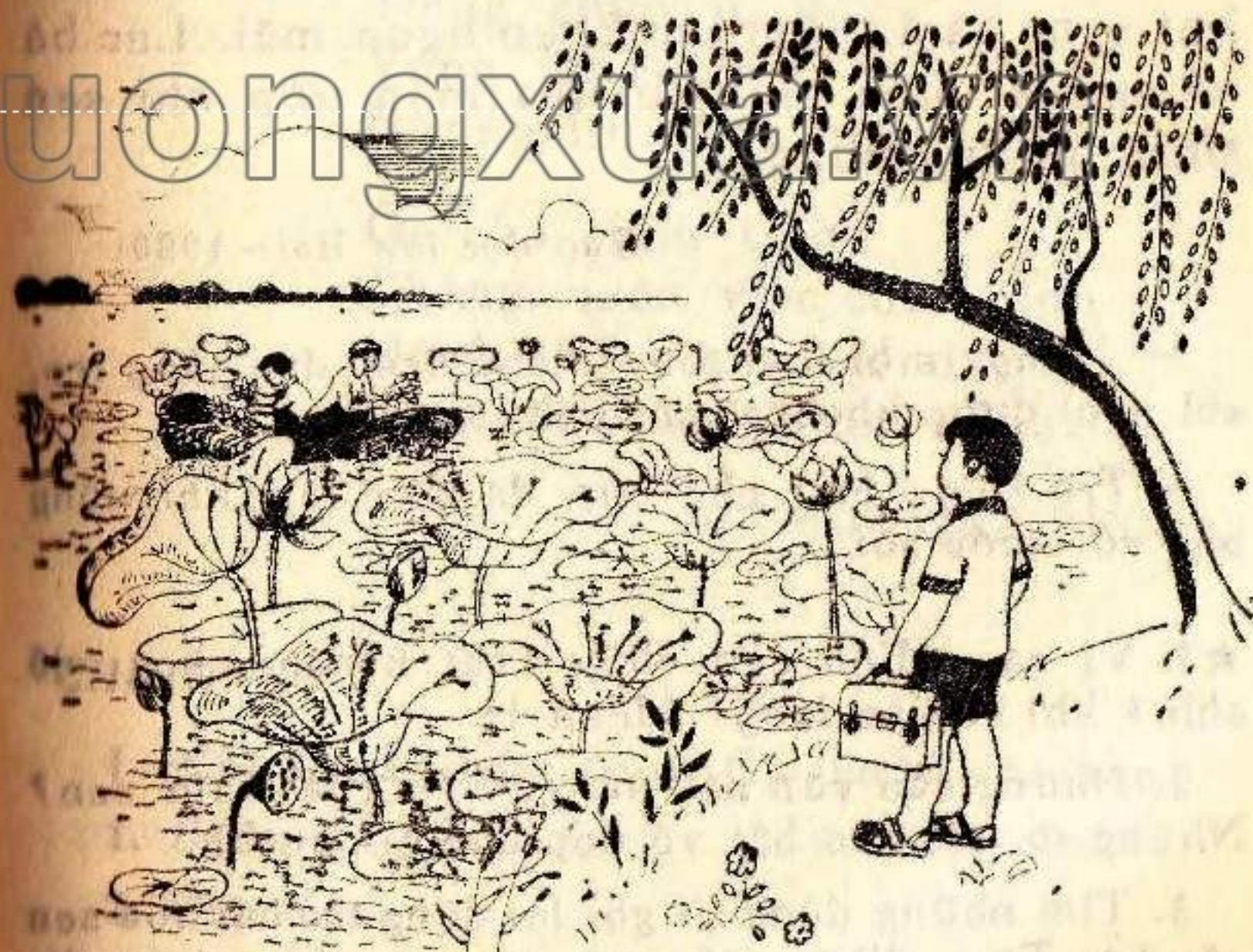
★1. Hình ảnh nào cho thấy cánh đồng lúa rất tốt? (Khô 1)

2. Câu thơ nào cho thấy bờ cỏ dành cho trâu ăn cũng rất tốt? (Khô 2)

3. Hình ảnh nào cho thấy trâu được ăn ngon, tâm mát?

★★4. Từ «Nhớ nhé, nhớ nhé» được lặp lại hai lần có ý nhắc nhở trâu (và cũng chính là nhắc nhở các em chăn trâu) điều gì?

39. ĐÀM SEN



Di khỏi dốc đê, lối rẽ vào làng, tự nhiên Minh cảm thấy rất khoan khoái dễ chịu. Minh dừng

lại hít một hơi dài. Hương sen thơm mát từ cánh đồng đưa lên làm dịu hẳn cái nóng ngột ngạt của trưa hè.

Trước mặt Minh, đầm sen rộng mênh mông. Những bông sen trắng, sen hồng khẽ đu đưa nổi bật trên nền lá xanh mượt.

Giữa đầm, mẹ con bác Tâm đang bơi chiếc mùng đi hái hoa sen cho tở. Bác cẩn thận ngắt từng bông, bó thành từng bó, ngoài bọc một chiếc lá rồi nhẹ nhàng nhè nhẹ vào lòng thuyền.

Minh chợt nhớ đến ngày giỗ ông năm ngoái. Hôm đó cô bà ngoại em sang chơi. Mẹ nấu chè hạt sen, bà ăn tấm tắc khen ngon mãi. Lúc bà về, mẹ lại biến một gói trà mạn ướp nhụy sen thơm phức.

(Tập đọc lớp Hai - 1980)

— Mùng: một loại thuyền nhỏ, tròn đan bằng tre, chỉ ngồi được khoảng một hoặc hai người.

— Trà mạn: loại chè búp đã sao lên, khi uống pha với nước sôi.

★1. Vì sao Minh cảm thấy «rất khoan khoái dễ chịu» khi rẽ vào làng? (đoạn 1).

2. Những câu văn nào tả vẻ đẹp của đầm sen? Những từ nào nêu bật vẻ đẹp đó? (đoạn 2)

3. Tìm những động từ ghi lại động tác hái hoa sen của bác Tâm. Những từ ngữ nào nêu bật tính cẩn thận của bác khi hái hoa?

4. Đặt câu với từ: «mênh mông», «nhẹ nhàng».

40. CHIM TU HÚ

(Bài đọc thêm)

Đi biệt tháng ngày
Mà sớm nay
Tiếng chim tu hú
Bên góc vườn mễ say.

Nắng đã về đây
Đồng xanh óng mượt
Rặng vải dần chín
Màu đỏ ắm quê nhà

Vọng êm xa
Tiếng chim tu hú
Vọng lòng em
Những lời nhắc nhớ

Ôi chú chim tu hú
Chẳng quên việc của mình
Đánh thức mùa vải dầy
Ngọt dần vơi bình minh.

NGUYỄN VIỆT BÌNH

CHÍNH TẢ

1 - **Chính tả** (nghe đọc): Giỏ vườn xào xạc.

1. **Bài viết**: «Buổi sáng ... xinh ơi là xinh».

2. **Viết đúng**:

— đất, búp hoa, dong riềng, nhắp, nhỏ xíu, xinh.

— chuẩn chuẩn, đỏ chót, ớt chín.

3. **Luyện tập:** Điền vào chỗ trống:

- chuồn hay chuồng: cá ..., ... gà.
- chạm hay trạm: ... trèo, ... gác, va ..., ... trán, ... máy kéo

II — **Chính tả (nghe đọc):** Đám sen

1. **Bài viết:** « Đi khỏi dốc dè ... cho tề ».

2. **Viết đúng:**

- Minh, Tâm.
- khoan khoái, dễ chịu, mệnh mông, chiếc mũng.
- ngọt ngọt, mượt.

3. **Luyện tập:** Điền vào chỗ trống:

- xen hay sen: búp ..., ... kẽ, lá ..., ... vào
- ngọc hay ngọt: ... nhiên, hơi ..., ... mũi, kinh...

TỪ NGỮ

CẢNH VẬT NÔNG THÔN (tiếp theo)

I — **Những từ ngữ cần ghi nhớ**

- Vườn, ổi, na, quýt, hồng xiêm, bưởi, lê-ki-ma (quả trứng gà), đám sen, trâu, bò, ruộng, nương.
- Tươi tốt, xanh mượt, gặm cỏ

II — **Bài tập:**

1. **Điền các từ thích hợp vào chỗ trống**

- Vừa đến chơi nhà ông bà, Nguyễn rú Dung: « Anh em ta ra.... chơi đi ».

Vườn nhà ông bà trồng thật lắm cây ăn quả: cây... bên cây..., cây..... gần cây..... góc vườn còn có cây Cây nào cũng và sai quả.

— Trên những thửa trơ gốc rạ, mấy con... và con... đang ung dung .. Một con trâu đang dẫm mình dưới...

— Giữa, những bông sen trắng, sen hồng khoe đu đưa, nổi bật trên nền lá...

2. **Trái nghĩa với « tươi tốt » là gì?**

NGỮ PHÁP

ĐỘNG TỪ (tiếp theo)

1. **Quê em dù xa tít**

Em vẫn nhớ vẫn thương.

Hỏi: Qua hai câu thơ trên, em bé có tình cảm gì đối với quê hương?

Trả lời: Đối với quê hương, em bé có tình cảm nhớ, thương.

Kết luận: Nhớ, thương là các từ chỉ cảm xúc. Các từ đó cũng là động từ.

Động từ còn là từ chỉ cảm xúc.

2. **Tìm động từ chỉ cảm xúc trong các câu sau:**

- Ai yêu các nhi đồng
- Băng Bác Hồ Chí Minh**
- Nguyễn rất thích vườn cây nhà ông bà.

TẬP LÀM VĂN

I — **Bài làm viết:**

Đề bài: Kể lại việc gấp quần áo.

(Dựa vào những câu hỏi trong bài đã làm miệng tuần trước để viết thành một đoạn văn ngắn)

II — **Trả bài viết:** Kể lại việc gấp quần áo.

TUẦN LỄ THỨ 28

41. CON LŨ

Trời đang nắng gắt. Chỉ có phía đầu nguồn, bầu trời thăm bóng mây đen. Có tiếng rống ò ò từ phía cánh rừng trên. Rồi cơn lũ đến chớp nhoáng. Bầu trời tối sầm lại. Mưa trút xuống. Nước lũ như một con trăn khổng lồ, hung hăng ào đến, phồng âm ầm trong thung lũng. Nó có sức mạnh thật khủng khiếp. Những tảng đá to bằng cái chum cũng bị nước cuốn, lục ục lăn đi trong dòng nước. Những cây chuối rừng nổi bập bênh. Những cây gỗ lớn vùn vụt lao trên dòng. Một cây gỗ dài bị hút vào xoáy, nhòng ngược thân lên khỏi mặt nước rồi như bị ai kéo tụt xuống. Chìm ngìm. Cái xoáy nước dữ dội ấy trông như một miệng phễu khổng lồ. Nó cứ quay tròn rất nhiều cánh cây, bọt rác dề rồi nuốt chửng.

Vài giờ sau, cơn lũ rừng ò ạt bắt đầu rút. Trên các sườn đồi, cây cỏ bị ngã rạp về một phía.

KHÁNH HỮU

— Con lũ: nước sông, suối dâng cao đột ngột do những trận mưa lớn ở đầu nguồn.

— Đầu nguồn: chỗ bắt đầu tự thành dòng của một con sông, con suối.

— Trăn: loài rắn rất lớn, miệng rộng nuốt được các mồi lớn.

— Nuốt chửng: nuốt thẳng không cần nhai.

★ 1. Con lũ rừng diễn ra nhanh như thế nào? Có những dấu hiệu gì báo trước?

2. Nước lũ rừng được so sánh với con vật nào? So sánh như vậy gợi lên ý gì?

3. Những từ ngữ, hình ảnh nào diễn tả sức mạnh và cho ta rõ cơn lũ rừng rất nguy hiểm?

4. Đặt câu với từ: « dữ dội », « ò ạt ».

42. BẢN EM

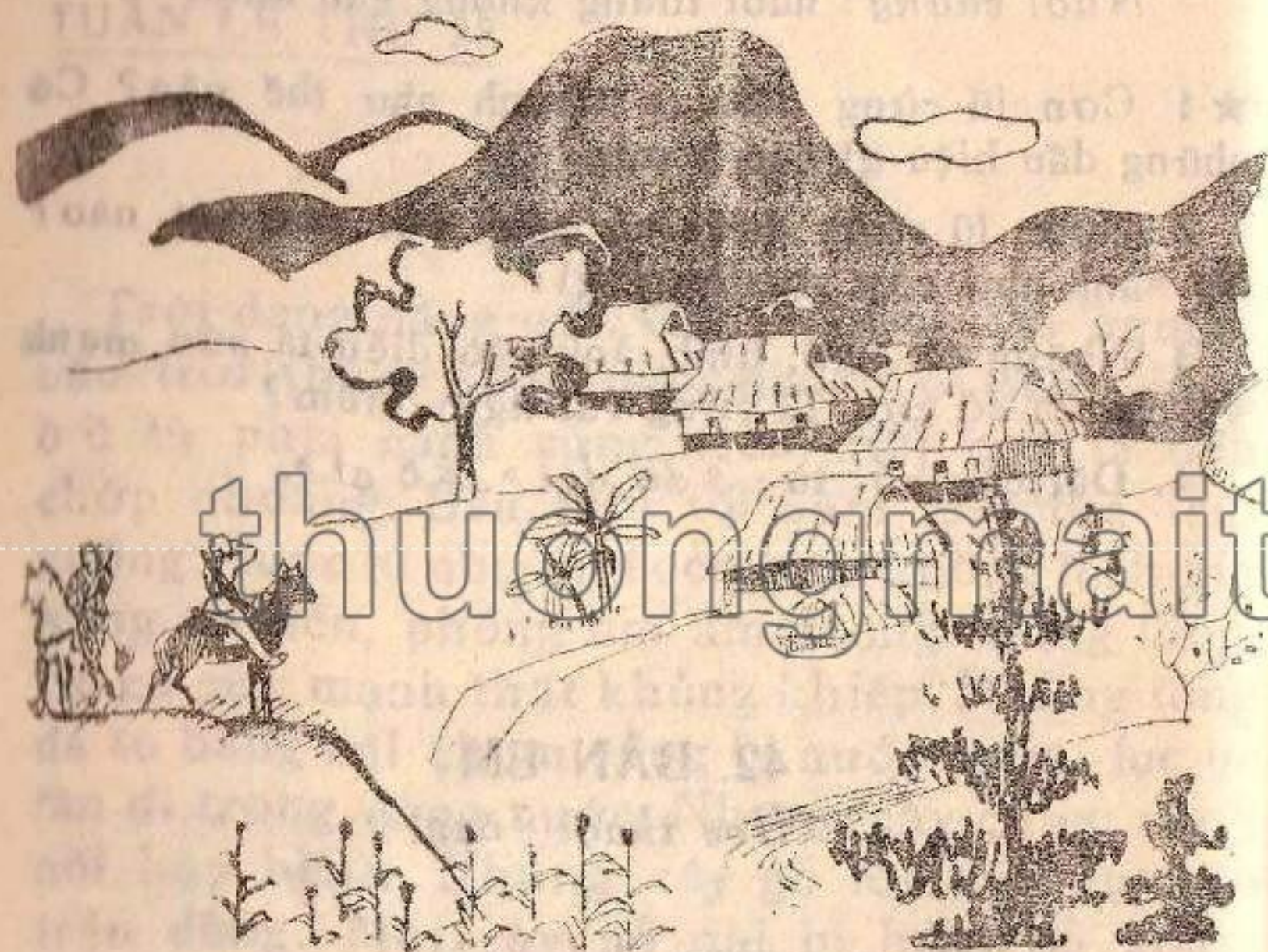
(Học thuộc lòng)

Bản em trên chóp núi
Sớm bình bình trong mây,
Sương rơi như mưa dội,
Trưa mới thấy mặt trời.

Cây pơ-mu đầu dốc
Im như người lính canh
Ngựa tuần tra biên giới
Dừng đình đèo hí vang.

Nhìn xuống sâu thung lũng
 Nắng như rót mật vàng
 Thác trắng tung dải lụa,
 Ngô xanh hai sườn non..

NGUYỄN THÁI VÂN



- Bản: làng ở miền núi của các dân tộc ít người
- Cây-pơ-mu: loại cây thông, gỗ rất tốt.

★ 1. Những hình ảnh nào cho em biết bản ở một địa điểm rất cao? (khởi 1)

2. Bản em ở vùng nào của Tổ quốc? Vì sao em biết?

3. Buổi trưa đứng ở bản cao «Nhìn xuống sâu thung lũng», em thấy cảnh vật có gì đẹp? (khởi 3)

4. Đặt câu với từ: «biên giới»

43. NHẠC RỪNG

... Cho tới bây giờ tiếng rừng đã vang động, nắng đã vàng ửng. Con khướu bách thanh ăn kín đầu đó hót mãi không thôi. Giọng hót thánh thót, kêu kì nghe say đắm ngỡ tưởng chính nhờ bài hát tuyệt diệu đó mà rừng gọi được ánh nắng từ xa trở lại. Tiếng hú của bầy vượn đen lúc thoáng xa, lúc gần gui rành rọt, không rõ hẳn chúng đang con vui hay gặp nỗi buồn. Những cặp chào mào hiệu động thoát đầu, thoát bay, liên thoảng gọi nhau choách choách. Trầm trầm vang âm trong các vòm lá, giữa khoảng không là tiếng động râm ran của đông đảo những cánh ong rừng nhỏ xiu, bận rộn đi về. Những giống bọ không tên bay nhăng nhít. Tiếng gió nhẹ lan khắp đầu đó, lá khô trên đất tí tách muốn trở mình đón nắng

Trích HẢI HỒ

★ 1. Âm thanh nào của những sự vật nào được tả trong bài?

2. Tác giả dùng những từ ngữ nào để diễn tả các âm thanh đó?

3. Tiếng con khướu bách thanh hót hay như thế nào? Từ nào nói rõ mức độ hay của tiếng hót đó?

4. Vì sao tiếng ong nghe râm ran?

5. Tìm một số từ nói về tiếng chim hót (ví dụ: thánh thót...)

44 RỪNG CÂY TRONG NẮNG

(Bài đọc thêm)

Trong ánh nắng mặt trời vàng óng, rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ. Những thân cây tràm vươn thẳng lên trời chẳng khác gì những cây nến khổng lồ. Đầu lá rủ phất phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn. Từ trong biển lá xanh rờn đã ngả sang màu úa, ngát dậy một mùi hương lá tràm bị hun nóng dưới mặt trời. Tiếng chim không ngớt vang xa, vọng mãi lên trời cao xanh thẳm không cùng. Trên các trảng rộng và chung quanh những lùm bụi thấp, ta nghe thấy tiếng vù vù bất tận của hàng nghìn loại côn trùng có cánh. Chúng không ngớt bay đi, bay lại trên những bông hoa nhiệt đới sắc sỡ.

Mùi hương ngòn ngọt, nhức đầu của những loài hoa rừng không tên đắm mình vào ánh nắng ban trưa. Mùi hương ấy khiến con người dễ sinh buồn ngủ. Người ta có thể sẵn sàng ngã lưng dưới bóng một cây nào đó rồi lơ mơ đưa mình vào một giấc ngủ chẳng đợi chờ...

ĐOÀN GIỎI

CHÍNH TẢ

I - Chính tả (trí nhớ): Giếng đẹp xóm em.

1. Bài viết: Cả bài.

2. Viết đúng:

- giếng, luộc rau, gội đầu, gàu nước, thích, gánh.

- mát lạnh, tõe mướt, vườn xanh.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

- g... hay g... : hàn..., ... vác, đôi quang ..., ...
bó, ... huy hiệu, gong ...

- th... hay th... : im thin ..., thỏa ..., thút ..., ...
thú, ... hợp, ... chặt.

- m... hay m... : mãi ..., quả ...

II - Chính tả (nghe đọc): Nhạc rừng.

1. Bài viết: « ... Cho tới bây giờ ... choách choách ».

2. Viết đúng:

- khướu bách thanh, kiêu kì, cặp, liến thoắng, choách.

- tuyết diệu, rành rọt, thoát, nỗi buồn, trở mình, khoảng không.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

- l... hay n... : ... òi buồn, ... òi làm, nông ... òi, ... òi
lạc, ... òi hẹn, ... òi niềm.

- u... hay u... : b... phiền, b... tâm, b... cười
b... nôn, b... ngủ.

b) Đố em biết chỗ trống nào trên đây có thể điền
u... hay u... cũng đều có nghĩa.

TỪ NGỮ

CẢNH VẬT NÚI RỪNG

I — Những từ ngữ cần ghi nhớ:

— Rừng cây, núi đá, chóp núi, sườn núi, thác, lũ, bản, bộ đội biên phòng.

— Cao ngất, rậm rạp, cheo leo, hiểm trở.

— Bảo vệ biên giới.

II — Bài tập:

1. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống:

Kinh tế vừa qua. Dung được đi thăm chú công tác ở một trạm lâm nghiệp. Xung quanh trạm là những dải ... trái dải. Phía xa xa, dãy ... nổi lên trên nền trời quang đãng. Vào những ngày âm u, các ... như nổi bông bành giữa biển mây. Ở gần trạm có một con suối xinh đẹp hiền lành. Nhưng gặp những bữa mưa nguồn, phát chốc cơn ... ào ào từ đầu tràn tới gầm thét như điên dại. Ngày chủ nhật, Dung và chú vào thăm ... đồng bào gần trạm. Em được gặp các chú ... đang cưỡi ngựa đi tuần tra...

2. Vùng núi non ... là nơi rất khó qua lại. Ngọn núi ... là ngọn núi vừa cao vừa khó trèo.

3. Dòng suối hoặc dòng sông từ trên cao đổ xuống thấp sẽ tạo thành...

NGỮ PHÁP

ĐỘNG TỪ (tiếp theo)

1. Từ nào là động từ, từ nào là danh từ trong các từ in nghiêng dưới đây:

Con khướu bách thanh ăn kín đầu đó hót mãi không thôi. Những cặp chào mào hiếu động thoát

đau, thoát bay, liên thoảng gọi nhau choách choách. Những cánh ong rừng nhỏ xiu, bận rộn đi, về.

2. Tìm các động từ trong đoạn văn sau:

Con lũ đến chớp nhoáng. Nước lũ phóng âm âm trong thung lũng. Những cây gỗ lớn lao vùn vụt trên dòng.

★★3. Cho các danh từ và động từ sau em hãy viết thành một câu văn: bảo vệ, bộ đội biên phòng, cưỡi ngựa, biên giới.

TẬP LÀM VĂN

I — Kể lại công việc đơn giản đã làm (Bài làm miệng).

A — Đề bài: Kể lại việc rửa ấm chén.

B — Câu hỏi:

1. Hằng ngày, em rửa ấm chén vào lúc nào?

2. Hãy kể lần lượt việc đã làm:

a) Em dùng vật gì để rửa ấm chén?

b) Em rửa như thế nào?

c) Rửa xong, em làm gì?

3. Rửa xong ấm chén, em có cảm nghĩ gì?

II — Bài làm viết:

Đề bài: Kể lại việc rửa ấm chén.

(Dựa vào những câu hỏi trong bài đã làm miệng để viết thành một đoạn văn ngắn).

TUẦN LỄ THỨ 29

45. ĐOÀN TÀU THỐNG NHẤT



Mùa xuân này, cả đất nước đang vui niềm vui xây dựng.

Trên đường vào xứ Huế, mái ngói đỏ tươi của nhà ga Phò Trạch đã hiện ra như hoa phượng vĩ nở giữa ngày xuân. Đoàn tàu lăn bánh qua cầu An Hòa, lượn quanh đèo Hải Vân

đề vào Đà Nẵng, mang theo hương sắc mùa xuân của đất cố đô vào thành phố cảng kiên cường. Và bên bờ sông Lại Giang, guồng xe nước đang tung bọt trắng dưới hàng dừa xanh. Tiếng nước reo vui như chào đón đoàn tàu Thống Nhất từ ga Bồong Sơn đang lướt qua những khóm mai vàng đề vào tận thành phố Hồ Chí Minh tên vàng rực rỡ.

(Trích Tập đọc lớp Bốn – 1980)

- Phò Trạch : tên một ga thuộc tỉnh Bình Trị Thiên.
- Lại Giang : tên một con sông ở Nghĩa Bình.
- Bồong Sơn : thuộc tỉnh Nghĩa Bình.

- * 1. Đoàn tàu Thống Nhất trong bài đi từ đâu đến đâu?
2. Hình ảnh nào trong bài nói lên niềm vui của cảnh vật khi đoàn tàu lần đầu đi qua?
3. Tìm những từ ngữ trong bài diễn tả đoàn tàu đi?
4. Đặt câu với từ « reo vui ».

46. ĐẸP TƯƠI CU-BA

(Học thuộc lòng)

Nửa vòng trái đất rẽ tầng mây
Anh đến Cu-ba một sáng ngày
Nắng rực trời tơ và biển ngọc
Đào tươi một dải, lụa đào bay.

Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường
Mia xanh đồng bãi, biếc đỏ nương
Cam ngon, xoài ngọt vàng nông trại
Ong lạch đường hoa, rộn bốn phương.

TỔ HỮU

— Cu-ba: tên một nước xã hội chủ nghĩa ở châu Mỹ.

— Nửa vòng trái đất rẽ tầng mây: ý nói tác giả đi máy bay từ nước ta sang đến Cu-ba vừa một nửa vòng trái đất dài khoảng 20 000 ki-lô-mét.

— Đảo: khoảng đất nổi lên ở giữa biển, chung quanh là nước. Đất nước Cu-ba là một hòn đảo.

★1. Câu thơ nào trong khổ thơ đầu cho ta thấy đất nước Cu-ba tươi đẹp?

2. Qua khổ thơ thứ hai, em thấy Cu-ba có những sản vật gì nổi tiếng?

3. Những từ ngữ nào diễn tả các màu sắc tươi đẹp của đất nước Cu-ba? Những từ ngữ nào diễn tả những sản vật nổi tiếng của Cu-ba?

4. Tìm một số từ ghép với từ «ngọt». (ví dụ: ngọt lịm...)

47. BẠN NGƯỜI ĐI BIỂN

Hải âu là bạn của người đi biển. Chúng báo trước cho họ những cơn bão. Lúc trời sắp nổi bão, chúng càng bay nhiều, vờn sát ngọn sóng

hơn và về ổ muộn hơn, chúng cần kiếm mồi sẵn cho lũ con ăn trong nhiều ngày, chờ khi biển lặng.



Hải âu còn là dấu hiệu của diêm lạnh. Ai đã từng lênh đênh trên biển cả dài ngày, đã bị cái bồng bênh của sóng gió làm say... mà thấy những cánh hải âu, lòng lại không chấy bưng hi vọng? Bọn chúng báo hiệu đất liền, báo hiệu sự bình an, báo trước bến cảng hồ hởi, báo trước sự sum họp gia đình sau những ngày cách biệt dằng dẳng.

Buổi sớm, ngược hướng chúng bay đi tìm ăn và buổi chiều theo hướng chúng về ổ, con thuyền sẽ tới được bờ.

Đó là lí do vì sao mà người dân chài ghé bến sau chuyến lưới đêm lại tung cá và mực xuống đài chúng bữa ăn buổi sáng.

Theo VŨ HÙNG

★ 1. Chim hải âu báo bão cho người đi biển qua những dấu hiệu gì?

2. Từ ngữ nào nói lên niềm hi vọng lớn của những người lênh đênh trên mặt biển khi được thấy chim hải âu?

3. Câu văn nào cho thấy chim hải âu báo hiệu nhiều điều tốt lành cho người đi biển?

4. Người dân chài sau mỗi chuyến lưới đêm về đã làm gì để tỏ tình cảm với chim hải âu?

5. Đặt câu với từ « hi vọng ».

48. QUẢ SẦU RIÊNG

(Bài đọc thêm)

Nhà ai vừa chín quả dầu
Đã nghe xóm trước vườn sau thơm lừng
Lá chiều cụp ngủ ung dung
Đề cây thức giấc tung bừng sớm mai.
Ngọt thơm sau lớp vỏ gai
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng
Mời cô, mời bác ăn cùng
Sầu riêng mà hóa vui chung trăm nhà.

PHẠM HỒ

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (nghe đọc): Đoàn tàu Thống Nhất.

1. Bài viết: « Đoàn tàu lăn bánh ... rực rỡ »

2. Viết đúng:

– Thống Nhất, An Hòa, Hải Van, Đà Nẵng, Lại Giang, Bồng Sơn.

– cảng, kiên cường, guồng xe nước.

– lăn bánh, reo vui, lướt qua, lượn quanh, mai vàng.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

– cân hay cảng: bến ..., ... đường, ngăn ..., hải ...

– lượn hay lượng: số ..., lực ..., ... sức, bay ..., ...

lờ.
– van hay vàng: vô ..., ... bạc, vừng ..., muôn ..., ...

II – Chính tả (so sánh): Phân biệt phụ âm cuối n, ng.

1. Bài viết: Viết bài ca dao sau, chú ý các chữ in nghiêng

Gợi nghệ

... Nghé nghệ ơi!
Nghé bầu nghệ bạn
Trâu cày ruộng cợn
Bò tát ao sâu
Lúa tốt bằng cò
Lúa trổ bằng dàu
Cò bay thẳng cánh
Một sào năm gánh
Một mẫu năm trăm.

Nghé ơ... nghe...
Việc nặng phần mẹ
Việc nhẹ phần con
Kéo ni kéo non
Kéo đến quanh tròn
Mẹ con ta nghỉ.

(Ca dao cổ)

2. **Viết đúng:** Phân biệt phụ âm cuối n hay ng (chữ in nghiêng) để viết cho đúng.

3. **Luyện tập:** Điền vào chỗ trống:

— *chăn* hay *chăng*: phải ... việc ... trâu là dễ?

— *gần* hay *gắng*: Vì có nhiều cố ... nên em đã được ... huy hiệu Bác Hồ.

— *nặn* hay *nặng*: Anh ấy mới ... xong bức tượng ... tới 20 kí-lô.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP:

CẢNH VẬT NÔNG THÔN – CẢNH VẬT MIỀN NÚI

1. Tre mọc liền nhau, cây nọ sát cây kia, cảnh lá đan cài vào nhau rậm rạp, gọi là gì?

2. Thế nào gọi là bụi cây um tùm?

3. Ruộng và vườn khác nhau thế nào? Em đặt câu với mỗi từ đó.

4. Hai từ *cheo leo* và *hiềm trở*, từ nào điền được vào chỗ trống dưới đây:

Ở miền núi, nhiều nơi đường đi rất vì phải qua những núi cao hoặc men bên bờ vực sâu.

5. Khu rừng cổ cây cối *chằng chịt* là khu rừng thế nào?

6. Tìm những từ có thể đặt trước từ *cao ngất* (ví dụ: *dỉnh núi cao ngất...*)

NGỮ PHÁP

TÍNH TỪ

1. Hoa mơ lại *trắng*, vườn cam lại *vàng*.

Hỏi: Trong câu thơ trên, hoa mơ có màu gì? Vườn cam có màu gì?

Trả lời: Trong câu thơ trên, hoa mơ có màu *trắng*, vườn cam có màu *vàng*.

Kết luận: Các từ *trắng*, *vàng* chỉ màu sắc của sự vật. Các từ đó gọi là tính từ.

2. Những tảng đá to bằng cái chum cũng bị nước cuốn. Những cây gỗ lớn vùn vụt lao trên dòng.

Hỏi: Những tảng đá như thế nào? Những cây gỗ như thế nào?

Trả lời: Những tảng đá thì to; những cây gỗ thì lớn.

Kết luận: các từ *to*, *lớn* chỉ hình dạng, kích thước của tảng đá, cây gỗ. Các từ đó cũng gọi là tính từ.

Tính từ là từ chỉ màu sắc, hình dạng, kích thước của sự vật.

3. Tìm các tính từ (chỉ màu sắc, hình dạng, kích thước) trong các câu sau.

— Mía xanh đồng bãi, biếc đời nương

- Cam ngọt xoài ngon vàng nông trại
- Những thân cây trâm cao vút chẳng khác gì những cây nến không lồ.

TẬP LÀM VĂN

- I - Trả bài viết: Việc rửa ấm chén.
- II - Kể lại công việc đơn giản đã làm (Bài làm miệng).
- A - Đề bài: Kể lại việc quét nhà.
- B - Câu hỏi:
 1. Hằng ngày, em quét nhà mấy lần? Vào lúc nào?
 2. Em dùng loại chổi nào để quét?
 3. Em quét như thế nào?
 4. Em bỏ rác bằng cách nào? Em bỏ rác ở đâu?
 5. Bố mẹ có nhận xét gì về việc làm của em?

Chủ đề:

BÁC HỒ



TUẦN LỄ THỨ 30

49. CƠN ĐÔNG

Gió bắt đầu thổi mạnh. Bỗng cơn đông ùn ùn thốc tới. Mây ở đâu từ dưới rừng xa dần lên đen sì như núi, bao trùm gần kín cả bầu trời. Từng tầng mây khói đen là là hạ thấp xuống mặt kênh, làm tối sầm mặt đất. Sóng bắt đầu gào thét, chồm lên tung bọt trắng xóa. Từng đàn cò bay vùn vụt theo mây, ngửa mặt trông theo gần như không kịp.

Gió thổi ngày càng mạnh, âm ầm ù ù. Cây đa cò thụ, cành lá rậm xùm xòa đang quăn lên vạt xuống. Trời mỗi lúc một tối sầm lại. Vũ trụ quay cuồng trong cơn mưa gió mãnh liệt. Những tia chớp xé rách bầu trời đen kịt, phát ra những tiếng nổ kinh thiên động địa.

Một lúc sau, gió dịu dần, mưa tạnh hẳn. Trên ngọn đa, mấy con chim chào mào xôn xao chuyền cành nháy nhót, hót líu lo. Nắng vàng màu da chanh phủ lên cây cỏ một thứ ánh sáng dịu mát, trong suốt, lung linh

Theo ĐOÀN GIỚI

— Tác giả tả cơn đông ở đồng bằng Nam Bộ.

— Kinh thiên động địa: chỉ tiếng động rất mạnh khiến người ta có cảm giác như long trời lở đất

★ 1. Những hiện tượng nào cho thấy cơn đông sắp đến? Những từ ngữ nào nói rõ những hiện tượng đó xuất hiện rất nhanh và mạnh?

2. Hình ảnh nào tả cơn đông đã diễn ra dữ dội?

3. Sau cơn đông, cảnh vật tươi vui như thế nào?

4. Tìm một tiếng ghép với « tối » để thành một từ có hai tiếng (ví dụ: tối sầm...)

50. LÊN THĂM NHÀ BÁC

(Học thuộc lòng)

Lên thăm nhà Bác hôm nay

Trắng ngần hoa huệ, hương bay dịu hiền

Tường trong truyện cổ cảnh tiên

Nhà sàn mát mẻ kề bên mặt hồ.

Từng đàn con chếp, con rô

Tắm lay bóng nắng, nhớ giờ Bác ra.

Hàng rào dâm bụt, dơn hoa

Ngõ vào gọi nhớ quê nhà Bác xưa.

Bật đèn, dài nói sớm trưa

Tưởng như trong bức rèm thưa Bác ngồi...

HÀNG PHƯƠNG

51. BÀI HỌC QUA SUỐI

Một lần trên đường đi công tác, Bác Hồ và các chiến sĩ cảnh vệ phải đi qua một con suối. Trên mặt suối có những hòn đá nổi. Người đi qua chỉ việc bước chân trên những hòn đá này để sang bờ bên kia.

Khi Bác đã sang đến bờ bên kia thì một chiến sĩ đi phía sau bỗng sảy chân bị ngã. Bác dừng lại, đợi đồng chí cảnh vệ đi tới, Bác hỏi:

- Chú ngã có đau không?
- Dạ thưa Bác không sao ạ!
- Thế chú có biết tại sao bị ngã không?
- Thưa Bác tại hòn đá bị kênh ạ.
- Cần phải kê lại để người khác qua suối không bị ngã nữa.

Đồng chí cảnh vệ liền quay lại kê hòn đá cho chắc. Xong đâu đấy, Bác cháu mới tiếp tục lên đường. Vừa đi Bác vừa dặn:

- Khi ngã, cần phải xem tại sao mình ngã để lần sau mà tránh.

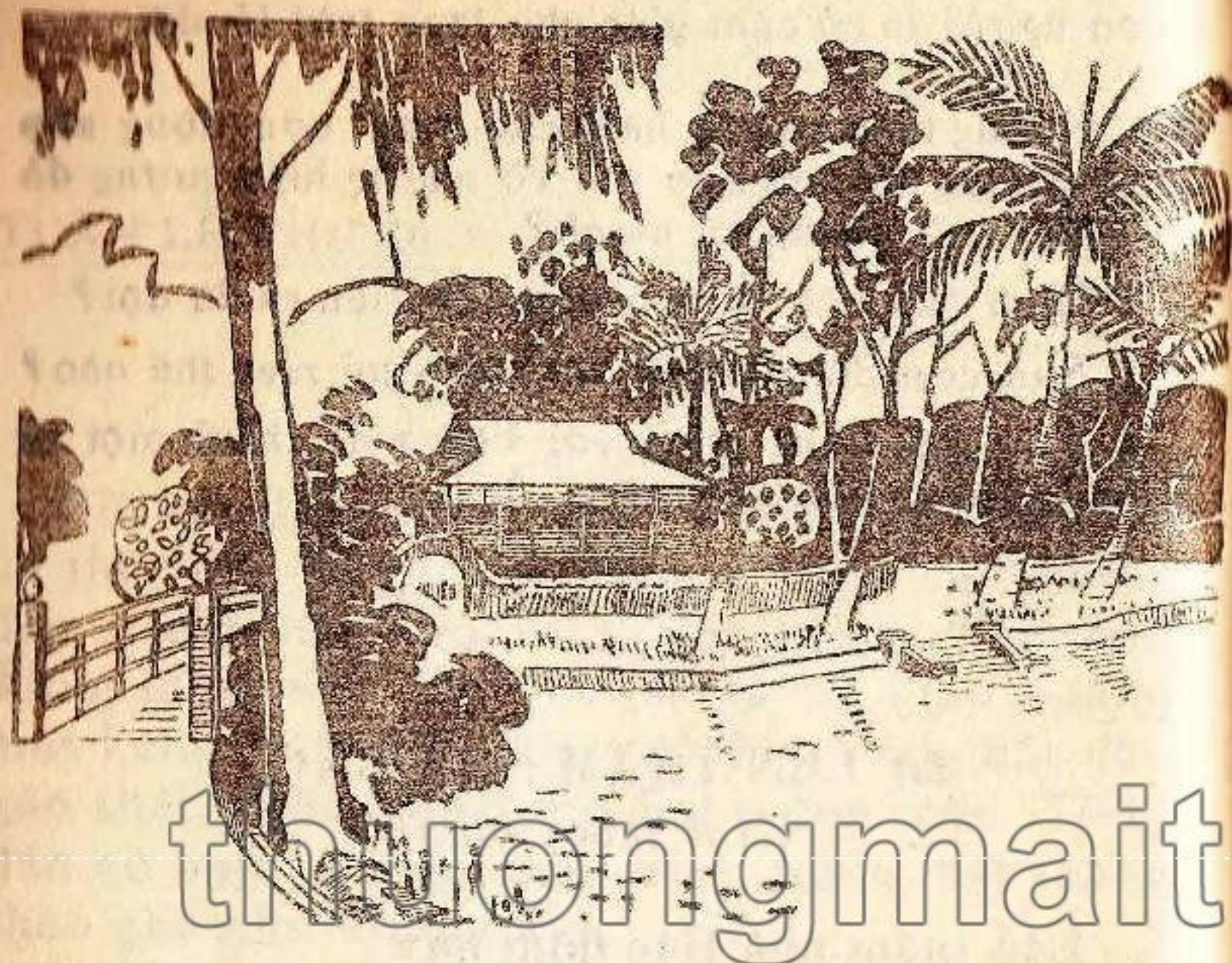
(Trích "Những ngày được gần Bác")

- Chiến sĩ cảnh vệ: bộ đội có nhiệm vụ đi theo để bảo vệ an toàn cho Bác.

★ 1. Khi Bác và các chiến sĩ cảnh vệ qua suối đã xảy ra chuyện gì?

2. Em hãy thuật lại đoạn nói chuyện giữa Bác và chú cảnh vệ.

3. Bác khuyên chú cảnh vệ điều gì? Em đọc thông thả lại câu nói đó.



- Bại đèn, dài nói sớm trưa: các đồng chí giúp việc Bác tình nguyện ở lại phục vụ như lúc Bác còn sống: tối vẫn bật đèn, sớm trưa vẫn dài.

★ 1. Em hãy kể lại những cảnh đẹp ở khu nhà Bác được tả trong bài thơ.

2. Em đọc từ dòng thơ thứ 2 đến dòng thứ 6 và tìm xem những cảnh nào được ví như cảnh tiên trong truyện cổ.

★★ 3. Điều gì gợi cho nhà thơ «Tuông như trong bức rèm thưa Bác ngồi»?

4. Tìm các từ chỉ các sắc khác nhau của màu trắng (ví dụ: trắng ngần...)

52. EM MƠ

(Bài đọc thêm)

Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao,
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao!

Em mơ làm nắng ấm
Đánh thức bao mầm xanh
Vươn lên từ đất mới
Dem cơn no áo lành

Em mơ làm gió mát
Xua bao nỗi nhọc nhằn
Bác nông dân cấy ruộng
Chú công nhân chuyên cần.

Em còn mơ nhiều lắm
Mơ những giấc mơ xanh
Nhưng bây giờ còn bé
Nên em chăm học hành

MAI THỊ BÍCH NGỌC

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (nghe đọc): Cơn dông

1. Bài viết: «Gió thổi ... lung linh».

2. Viết đúng:

– cơn dông, bao trùm, xùm xòa, vũ trụ, quay cuồng, chào mào, chuyên cần.

– mãnh liệt, kinh thiên động địa, tạnh hẳn

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

– ch hay tr: bóng ... uyển, lưu ... uyển, ... uyển hình, ... uyển tay.

– chào hay trào: ... mào, ngọn sóng ..., phong... thi đua, đón ..., ... mừng.

– chằm hay tràm: ... chẵn, ... nho, ... chla khóa, bao..., từng ...

II – Chính tả (nghe đọc): Bài học qua suối.

1. Bài viết: «Trên mặt suối ... không bị ngã nữa».

2. Viết đúng:

– suối, sây chân, dừng lại, ngã, kênh, kê.

– hòn đá, chiến sĩ, chắc.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

– ngã hay nã: ... ngựa, ... lưng, ... ba, ... lòng, ... nghiêng, ... mũi chào, ... xuống.

– chắc hay trặc: ... chẵn, ... trở, ... bụng, ... lép, gỗ ..., cầm..

TỪ NGỮ

BÁC HỒ

I – Những từ ngữ cần ghi nhớ:

– Nhà sàn, hoa huệ, dăm bụt, cây vú sữa, con cá rô.

– Ăn cần, giản dị, chăm sóc, dạy bảo, thơm ngát, mát mẻ.

II – Bài tập:

1. Điền các từ thích hợp vào chỗ trống:

Bác Hồ là người sống rất Ở chiến khu hay ở Hà Nội, Người đều sống ở một ngôi..... lòng gió. Vào thăm nhà Bác tại Phủ Chủ tịch, chúng ta phải đi qua một ngõ dài, hai bên trồng toàn Hàng cây gợi nhớ hình ảnh quê nhà Bác. Bác rất yêu....., có mùi hương..... Hàng ngày, ngoài giờ làm việc, Bác chu đáo vườn cây, ao cá của Bác, từ cây tới con....

2. Đặt một câu với các từ: «ăn cần», «dạy bảo».

TÍNH TỪ (tiếp theo)

1. — Em ạ, Cu-ba ngọt lịm đường

— Nhà sàn mát mẻ bên mặt hồ

Hỏi: Đường thế nào; nhà sàn thế nào?

Trả lời: Đường ngọt lịm, nhà sàn mát mẻ.

Kết luận: ngọt lịm, mát mẻ là những từ chỉ tính chất của đường, của nhà sàn. Các từ đó là tính từ.

Tính từ còn là từ chỉ tính chất của sự vật.

2. Tìm các từ chỉ tính chất của sự vật trong câu văn sau:

— Giọng hát thánh thót, ngô tuông chính nhờ giọng hát tuyệt diệu đó mà rừng gọi được ánh nắng rực rỡ từ xa xôi trở lại.

— Lá khô trên đất tí tách muốn trở mình đón ánh nắng ấm áp.

★★ 3. Tìm các từ chỉ tính chất của sự vật điền vào những chỗ trống cho đoạn văn sau đây có ý nghĩa:

Trên những cành..... đã lấm tấm những lộc.....
Những cây thông bất chấp cả thời tiết.....
vẫn vươn lên xanh tốt.

TẬP LÀM VĂN

I — Bài làm viết:

Đề bài: Kể lại việc quét nhà

(Dựa vào những câu hỏi đã làm miệng tuần trước để viết thành một đoạn văn ngắn)

II — Trả bài viết: Kể lại việc quét nhà.

TUẦN LỄ THỨ 31

53. THÁNG NĂM VUI

Tháng năm bao giờ chả vui! Không phải chỉ cỏ ruộng lúa chín mới khoác áo vàng óng ả. Những cây điền thanh đứng thành hàng, gió lay la đà trên các bờ vùng, cũng khoe hoa vàng lốm đốm. Từng cặp bướm trắng, bướm vàng giập giòn bay lượn trên các bụi cây ven đường. Từ khắp chốn chim chóc đã kéo về, con bay cao, con sà xuống ruộng lúa.

Mới ngày nào, lúa mới vào dòng. Ngoảnh đi ngoảnh lại, nay lúa đã chín. Khắp hợp tác xã sôi nổi lao vào công việc sửa soạn gặt. Các bể lò rèn phì phò không nghỉ. Tờ nông cụ cắt lại hàng loạt chấu cho liềm xén và liềm cắt gốc. Hàng chục xe cải tiến được chữa lại chắc chắn, cho thêm dầu mỡ. Máy tuốt lúa, quạt hòm, cả đến nong, nia, thúng, mủng cũng được chuẩn bị kỹ...

Quả là tháng năm vui, vui vì lúa chín. Nhưng với học sinh chúng em, chả cứ gì các bạn học cấp một, ai cũng thích cái tháng năm: tháng sắp nghỉ hè!

V. T.

★1. Cảnh vật về tháng năm có gì đẹp và vui? Từ ngữ nào diễn tả cái vui đẹp đó?

2. Trong thôn xóm có những hoạt động gì vui sôi nổi? Từ ngữ nào diễn tả hoạt động khẩn trương sôi nổi đó?

3. Với các em, tháng năm còn có niềm vui gì?

4. Tìm từ trái nghĩa với vui.

54. NHỚ BÁC

(Học thuộc lòng)

Mình về với Bác đường xuôi,
Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ Người.
Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời.
Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ung dung yên ngựa trên đường sồi reo.
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi rừng núi trông theo bóng Người.

TỔ HỮU

★1. Đoạn thơ này nói đến nỗi nhớ Bác của ai, ở đâu? (2 câu đầu).

2. Tìm các từ ngữ tả Bác Hồ trong bốn câu thơ giữa (trong đó những từ nào là tính từ)?

3. Từ «nhớ» được lặp lại bốn lần trong đoạn thơ gợi cho em cảm nghĩ gì?

4. Câu thơ nào diễn tả tình cảm lưu luyến của nhân dân Việt Bắc đối với Bác Hồ?

5. Tìm một số từ ghép với từ nhớ (ví dụ: nhớ mong...)

55. CÁC EM NHỎ VÀ CỤ GIA

Mặt trời đã lúi dần về chân núi phía tây. Đàn sếu đang rải cánh trên trời cao. Sau một cuộc dạo chơi, đám trẻ ra về. Tiếng nói cười riu rít. Bỗng các em dừng lại khi thấy một cụ già ngồi ở vệ cỏ ven đường, trông mặt cụ mới buồn làm sao!

— Chuyện gì xảy ra với cụ già thế? Một em trai nói.

— Hay cụ đánh mất một cái gì?

— Hay cụ bị ốm? Mấy em khác nói liên tiếp.

Các em tới gần chỗ ông cụ. Em có mái tóc vàng như tơ lễ phép hỏi:

— Thưa cụ, chúng cháu có thể giúp cụ được gì chăng?

Cụ già quay lại nhìn lũ trẻ:

— Cảm ơn các cháu. Nhưng dù các cháu có muốn giúp gì ông cũng không được!

Cụ ngừng lại, thở nặng nhọc rồi tiếp:

— Ông đang lo buồn. Bà lão của ông đang ốm nặng, khó mà qua khỏi. Ông đang chờ ô tô để đến bệnh viện... Dẫu các cháu không giúp được ông nhưng ông cũng thấy lòng nhẹ hơn.

Đám trẻ lặng thinh nhìn cụ, ái ngại.

Một lát sau, chúng chào cụ ra về. Các em có nói điều gì đó với nhau. Nhưng rồi lời trò chuyện riu rít ban nãy im hẳn.

Theo V. A XU-KHÔM-LIN-XKI

★1. Vì sao các em nhỏ đang vừa đi vừa nói chuyện rồi lại dừng lại?

2. Các em đã phỏng đoán với nhau những gì về cụ già? Các em đã có hành động như thế nào đối với cụ già?

★★3. Vì sao cụ già lại nói: «Dẫu các cháu không giúp được ông nhưng ông cũng thấy lòng nhẹ hơn»?

4. Nghe cụ già nói, các em nhỏ đã có thái độ như thế nào?

5. Tìm trong bài những từ ngữ diễn tả hai thái độ trái ngược nhau của các em nhỏ trước và sau khi gặp cụ già (đoạn đầu và đoạn cuối).

56. LOÀI CHIM HỌC XÂY TÒ

(Bài đọc thêm)

Một lần, Phượng Hoàng, nhà thông thái nhất trong các loài chim, mở lớp học về cách làm tổ. Phượng Hoàng bắt đầu nói:

– Việc làm tổ không phải là một chuyện dễ dàng.

Gà mới nghe đã bắt đầu gật gù, sau đó ngáy khò khò. Cú nghĩ không biết cái anh đẹp mã này liệu có thể dạy nổi ai được việc gì. Hân cười rộ lên khinh bỉ rồi bay đi.

– Trước hết phải tìm trên cây chỗ nào có chạc ba... Cần phải nhặt những cành khô, lấy mỏ quặp lấy uốn cong lại và đan thành một cái rổ con...

Nghe đến đây Quạ vỗ cánh bay ra ngoài.

– Nhưng tốt nhất không nên làm tổ trên cây mà làm tổ ngay dưới mái nhà... Phượng Hoàng vẫn tiếp tục nói.

– Cái đó thì ai cũng biết – Sẻ lâu bầu nháy tốt lên cành cao.

Sau khi tổ đã bện xong cần lấy đất sét trát lại, rải bên trong một ít rơm róc.

– Cảm ơn bác Phượng Hoàng. Ến cúi đầu chào rồi bay vút lên trời xanh.

Thế là các loài chim bắt đầu làm tổ.

Gà tất nhiên chẳng nhớ chữ nào trong đầu nên loài người phải làm tổ sẵn cho nó.

Cú cũng chẳng có tổ, nó phải sống trong những hốc cây tăm tối. Quạ không nghe giảng đến đâu đến đâu, vì thế tổ của nó xấu xí, ta thường nói «dầu bù như tổ quạ».

Chỉ có Ến, một học sinh chăm chỉ cần cù đã làm nhà mình theo đúng cách nên tổ bao giờ cũng xinh xắn ấm áp.

(Truyện cổ tích Ấn Độ)

THÁI BÌNH K

CHÍNH TẢ

1 – Chính tả (trí nhớ): Lên thăm nhà Bác.

a. Bài viết: Cả bài.

a. Viết đúng:

– trắng ngần, bay, dịu hiền, tâm, lay, ngổ, gợi.

– cánh tiên, dăm bụi.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

— nay hay lay: lung ..., hôm ..., lát ..., ngày

— tên hay tên: ... mừng, trước ..., nâng ..., ... tức

II — Chính tả (nghe đọc): Các em nhỏ và cụ già.

1. Bạt vệt: « ... Các em tới ... thấy lòng nhẹ hơn ».

2. Vết đúng:

— giúp, gì chẳng, qua khỏi, dẫu, nặng nhọc.

— lo buồn, bệnh viện, nhẹ hơn, lặng thinh.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

— lặng hay nặng: ... nhọc, ... thinh, ốm ..., ... trịu.
... người, ... tai.

— bện hay bệnh: ... chặt, ... tậ, mắc ..., ... thừng.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP: ĐẤT NƯỚC TA

1. Những nơi nào được gọi là danh lam thắng cảnh? Em hãy kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở nước ta?

2. Di tích lịch sử là gì? Ở địa phương em có di tích lịch sử nào không?

3. Thế nào gọi là nhà máy? Công trường có gì khác nhà máy?

4. Em hiểu thế nào là nông trường?

5. Cảng là gì? Bác Hồ ra đi cứu nước từ cảng nào?

6. Đặt câu với mỗi từ: giàu đẹp, nhộn nhịp.

NGỮ PHÁP

TÍNH TỪ (tiếp theo)

1. Tìm các tính từ chỉ màu sắc:

Không phải chỉ có ruộng lúa chín mới khoác áo vàng óng ả. Những cây điền thanh cũng khoe hoa vàng lốm đốm. Từng cặp bướm trắng, bướm vàng giập giờn bay lượn trên các bụi cây ven đường.

2. Tìm các tính từ chỉ hình dạng, kích thước, tính chất điền vào chỗ trống (tìm được càng nhiều càng tốt):

— Ngôi nhà...

— Quyển sách...

— Bông hoa...

★★ 3. Ghép một danh từ vào trước mỗi tính từ sau đây cho thích hợp: mềm, mẫn, tím hồng.

TẬP LÀM VĂN

I — Kể lại công việc đơn giản đã làm (Bài làm miệng).

A — Đề bài: Kể lại việc chăm sóc cây.

B — Câu hỏi:

1. Em đã chăm sóc những cây gì?

2. Em đã làm những công việc gì để chăm sóc cây?

3. Việc làm của em đã mang lại kết quả ra sao?

III — Bài làm viết:

Đề bài: Kể lại việc chăm sóc cây.

(Dựa vào những câu hỏi đã làm miệng để viết thành một đoạn văn ngắn).

TUẦN LỄ THỨ 32

57. CHÚ DẾ SAU LÒ SƯỜI

Buổi tối ấy, nhà Mô-da thật yên tĩnh. Cậu bé thiêu thiêu ngủ trên ghế bành.

Bỗng dưng! ... Hình như có một cái gì đó đã xảy ra? Có một âm thanh kéo dài lạ lùng làm sao. Mô-da nghĩ: « Chắc hẳn ánh trăng mảnh dễ bị giá lạnh, tan vỡ ra, đập vào cửa sổ... » Cậu bé đứng dậy tìm kiếm. Và đây... Đứng là có một chú dế sau lò sưởi với cây vĩ cầm của mình. Dế kéo đàn hay đến nỗi cậu bé không nín nổi phải kêu lên:

— Chao ôi, hay quá! Ước gì tôi trở thành nhạc sĩ nhỉ? Rồi chỉ ít lâu sau, chú bé chính phục được cả công chúng thành Viên. Bản nhạc kết thúc mà giây phút im lặng vẫn còn kéo dài. Phải chăng tiếng vọng của âm thanh đang lịm dần trong mỗi trái tim? ... Nhưng kìa, gian phòng bỗng sống lại... Bao chiếc cổ tay áo vung lên cao! Mọi người cười nói, thở phào, nhắc đi nhắc lại: « Thật là tuyệt diệu! Thật là tuyệt diệu! ».

... Sau này, nhạc sĩ Mô-da thường nhắc đến chú dế với tấm lòng biết ơn.

G. XU-PHE-RÔP

— Mô-da : nhà soạn nhạc nổi tiếng người nước Áo ở thế kỉ 18. Tài năng âm nhạc của Mô-da được thể hiện từ ngày còn nhỏ tuổi.

— Vĩ cầm : đàn vi-ô-lông, loại đàn đặt trên vai dùng một chiếc vĩ dài kéo vào các dây đàn làm phát ra âm thanh.

— Công chúng : đây chỉ đông đảo những người dự nghe các buổi biểu diễn vĩ cầm của Mô-da.

★ 1. Mô-da nghe tiếng chú dế vào lúc nào, ở đâu, lúc đó Mô-da đang làm gì?

2. Mô-da nhận xét như thế nào về âm thanh vừa chợt vang lên và nghĩ gì về âm thanh đó?

3. « Bản nhạc » của dế đã gợi cho Mô-da niềm xúc động và ước mơ gì?

4. Câu văn nào đã diễn tả sức hấp dẫn tuyệt diệu của tiếng đàn Mô-da?

58. MĂNG TRE

(Học thuộc lòng)

Tôi cây măng tre
Mọc lên giữa bụi
Chưa tròn một tuổi
Cành chừa thành cành
Lá vừa này xanh
Mỏng như cánh bướm
Thức dậy buổi sớm
Nghe tiếng chim ca

Hóp giọt sương sa
 Lòng nghe mát rượi.
 Ngày ngày tôi đợi
 Cho đến mùa xuân
 Năng mới tung bùng
 Tôi vươn cao vút
 Cánh mềm mát mẽ
 Rủ bóng ao sâu
 Cò, vạc bảo nhau:
 «Ồ, tre chóng lớn!»

VÕ QUẢNG

- ★ 1. Cây măng tre mọc ở đâu, cánh lá như thế nào?
- 2. Buổi sớm, măng tre làm những việc gì? Em đọc lại mấy câu thơ tả hình ảnh măng tre buổi sớm.
- 3. Đến mùa xuân, măng tre có gì thay đổi?
- 4. Hình ảnh măng tre trong bài gợi cho em nghĩ đến ai?
- 5. Tìm một số từ gần nghĩa với từ «nảy».

59. ONG XÂY TÒ

Các em hãy xem kia, một bầy ong đang xây tổ. Lúc đầu chúng bám vào nhau thành từng chuỗi như cái mảnh mảnh. Con nào cũng có việc làm. Các chú ong thợ trẻ lần lượt rời khỏi hàng lấy giọt sáp dưới bụng do mình tiết ra trộn với nước bọt thành một chất đặc biệt để

biệt để xây thành tổ. Hết sáp, chú tự rút lui về phía sau để chú khác tiến lên xây tiếp. Những bác ong thợ già, những anh ong non không có sáp thì dùng sức nóng của mình để sưởi ấm cho những giọt sáp của ong thợ tiết ra. Chất sáp lúc đầu dính như hồ, sau khô đi thành một chất xốp, bền và khó thấm nước.

Cả bầy ong làm việc thật đông vui, nhộn nhịp nhưng con nào cũng biết tuân theo kỉ luật, con nào cũng hết sức tiết kiệm «vôi vữa».

Chỉ vài ba tháng sau, một tổ ong đã được xây xong. Đó là một tòa nhà vững chãi, ngăn nắp, trật tự, có hàng ngàn căn phòng giống hệt nhau. Cả đàn ong trong một tổ là một khối hòa thuận.

(Trích Tập đọc lớp Ba-1980)

— Ong thợ: loại ong chuyên đi lấy nhị hoa về làm mật.

— Sáp: chất dẻo lấy ở tổ ong.

— Hòa thuận: ăn ở với nhau đoàn kết vui vẻ, không xảy ra điều gì xích mích.

- ★ 1. Các loại ong đã cùng nhau xây tổ như thế nào?
- 2. Câu văn nào có ý khen cách làm việc của đàn ong?
- 3. Những từ nào trong bài cho thấy tác giả coi những con ong cũng như người?
- 4. Tìm từ cùng nghĩa với «bầy».

60. BÁC TẬP THỀ DỤC

(Bài đọc thêm)

Bác sống rất giản dị nhưng rất có nề nếp. Sáng nào cũng vậy, cứ khoảng bốn rưỡi, năm giờ, khi sương mù chưa tan còn bồng bềnh trên các ngọn cây, khe núi, Người đã dậy dọn dẹp chân màn, đồ đạc, rồi chạy xuống bờ suối tập thể dục và tắm rửa. Ở Khuổi Nậm không có đất, Bác cũng tạo một mặt phẳng đứng tập. Bác đeo lấy bốn cái chày, hai cái vừa, hai cái to và nặng để thay tạ tập hằng ngày. Sáng sớm Bác vẫn thường tập leo núi. Bác chọn những quả núi quanh vùng cao nhất để leo lên với đôi bàn chân không. Khi thì một hai đồng chí đi theo Bác, khi thì Bác tập một mình.

(Theo cuốn *Đầu nguồn*)

CHÍNH TẢ

1 – Chính tả (nghe đọc): Chú để sau lò sưởi.

1. Bài viết: «Buổi tối... hay quá!».

2. Viết đúng:

– Mô-da, Viên.

– yên tĩnh, thiu thiu ngủ, bỗng dưng, mảnh dẻ, tìm kiếm, vĩ cầm.

– giá lạnh, tan vỡ ra.

3. Luyện tập: Điền vào chỗ trống:

– *tn* hay *yên*: sách..., ngủ..., ...báo, ...tĩnh.

– *thiu* hay *thieu*: cơm ..., ...đốt, lửa ..., ...ngủ.

– *giá* hay *rá*: ...tiền, ...sách, ...đỗ, rờ ..., ...lạnh.

II – Chính tả (so sánh): Phân biệt *im*, *têm*.

1. Bài viết: Viết vào vở các câu sau: (chú ý điền đúng *im* hay *têm* vào dấu...).

– Trên rừng ba mươi sáu thứ ch...

– Lúa ch... lấp ló đầu bờ

Hồ nghe tiếng sấm phát cờ mà lên.

– Ch... mùa cờ đỏ ven đê

Sớm hôm tiếng trống đi về trong thôn.

2. Luyện tập: Điền vào những chỗ trống:

– *im* hay *têm*: gỗ l ..., l... khiết, thuốc t..., thuốc t..., hoa s..., quả hồng x ..., cá ch..., giắc ch... bao, v... hòng.

TỪ NGỮ

ÔN TẬP: NHÂN DÂN TA

1. Công việc của người công nhân khác với công việc của người nông dân như thế nào?

2. Thợ điện là thợ làm việc gì?

3. Người như thế nào được gọi là xã viên?

4. Sản xuất là gì?

5. Thế nào là người lao động lành nghề?

6. Đặt câu với mỗi từ: tăng năng suất, tiết kiệm.

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo có rất nhiều các bác... làm nhiều nghề khác nhau. Trong số đó, nhiều bác là thợ..., rất tinh thông nghề nghiệp của mình. Các bác ấy thường có nhiều ... và có ý thức... khi sản xuất.

NGỮ PHÁP

ÔN TẬP

1. Câu đơn có hai bộ phận chính là những bộ phận nào?

2. Tìm chủ ngữ và vị ngữ của các câu sau:

– Nhà Mô-da thật yên tĩnh

- Cậu bé thiu thiu ngủ.
- Mô-da đứng dậy tìm kiếm.
- Mọi người cười nói vui vẻ.

3. Em hãy kể tên các dấu câu em đã học.

4. Dấu chấm đặt ở vị trí nào trong câu? Khi đọc, gặp dấu chấm, em phải thay đổi giọng đọc như thế nào?

5. Đọc đoạn văn sau; chú ý đọc đúng khi gặp các loại dấu câu:

Buổi tối ấy, nhà Mô-da thật yên tĩnh. Cậu bé thiu thiu ngủ trên ghế bành.

Bỗng dưng! ... Hình như có một cái gì đó đã xảy ra? Có một âm thanh kéo dài lạ lùng làm sao. Mô-da nghĩ: « Chắc hẳn ánh trăng mảnh dễ bị giá lạnh, tan vỡ ra, đập vào cửa sổ... » Cậu bé đứng dậy tìm kiếm. Và đây... Đứng là có một chỗ để sau lỗ sười với cây vĩ cầm của mình. Để kéo đàn hay đến nỗi cậu bé không nên nói phải kèn lên:

— Chao ôi, hay quá! Ước gì tôi trở thành nhạc sĩ nhỉ?

TẬP LÀM VĂN

I — Trả bài viết: Việc chăm sóc cây.

II — Kể lại công việc đơn giản đã làm (Bài làm miệng).

A — Đề bài; Kể lại việc làm trực nhật.

B — Câu hỏi:

1. Em làm trực nhật vào ngày nào?
2. Em đã chuẩn bị những gì khi đến lớp?
3. Em đã làm những việc cụ thể gì? Làm như thế nào?

4. Cô giáo (hoặc các bạn) có nhận xét gì về việc làm của em?

TUẦN LỄ THỨ 33

61. HÙNG DŨNG MẶT BIỂN



Cảnh hùng dũng mặt biển nguy nga, rực rỡ. Phía hai bên, những đám mây trắng hồng hầu như dựng đứng, hơi ngả về phía trước. Tất cả đều mời mọc lên đường.

Xa xa, mấy chiếc thuyền nữa cũng đang chạy ra khơi, cánh buồm lòng vút cong thon thả. Mảnh buồm nhỏ tí phía sau nom như một con chim đang đỗ sau lá, cò rướn cao sắp lên tiếng hót. Nhìn từ xa, giữa cảnh mây nước long lanh, mấy chiếc thuyền lưới lằm ăn nhiều khi vất vả nhưng trông cứ như những con thuyền du ngoạn.

Gió càng lúc càng mạnh, sóng cuộn ào ào.
Biển khi nổi sóng, trông càng lai láng mênh
mông. Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn.
Sóng đập vào vôi mũi thùm thùm, chiếc thuyền
tựa hồ một tay võ sĩ can trường giờ ỨC RA CHỊU
đám, vẫn lao mình tới.

ĐÔI HIỀN

- *Hừng đông*: vùng ánh sáng hồng xuất hiện ở chân trời phía đông lúc sáng sớm.
- *Nguy nga*: đẹp đẽ, lộng lẫy.
- *Du ngoạn*: đi chơi ngắm cảnh.

★ 1. Bầu trời trên biển lúc hừng đông đẹp như thế nào?

2. Đoàn thuyền đang ra khơi lúc này mang những vẻ đẹp gì?

3. Tìm những động từ diễn tả hoạt động của sóng và đoàn thuyền trên biển lúc gió mạnh sóng to.

4. Tìm một số từ tả sóng (ví dụ: sóng cuộn).

62. MÙA HÈ

(Học thuộc lòng)

Mùa hè hoa rau muống
Tím lấp lánh trong đầm.
Cơn mưa rào ập xuống,
Cá rô rạch lên sân.

Mùa hè nắng rất vàng
Bãi cát dài chói nắng,
Con sông qua mùa cạn,
Nước dềnh rộng mênh mang.
Mùa hè sáng niềm vui
Sau bao ngày gắng sức!
Bài thi đỗ diềm mười,
Long lanh bao ánh mắt!

Trích TẠ VŨ

— *Nước dềnh*: nước dâng lên

— *Long lanh bao ánh mắt*: câu thơ tả ánh mắt sáng, thể hiện niềm vui sướng của các bạn học sinh khi được điểm mười.

★ 1. Hai khổ thơ đầu tả những cảnh vật thiên nhiên nào trong mùa hè?

2. Em hãy tìm những tính từ, động từ tả đặc điểm của cảnh vật mùa hè.

3. Những hình ảnh nào nói lên niềm vui của học sinh khi bước vào mùa hè?

4. Đặt câu với từ: « long lanh ».

63. BUỔI HỌC CUỐI NĂM

Hôm nay Minh đến lớp, lòng hồi hộp. Buổi học này là buổi học cuối năm. Các bạn Minh cũng đã có mặt đông đủ. Ai cũng muốn đến

sớm hơn mọi ngày một chút để được nói chuyện vui đùa với nhau.

Trống báo giờ vào lớp. Các em ngồi ngay ngắn nghe cô giáo thân mật dặn dò:

— Từ mai các em bắt đầu nghỉ hè. Nhà trường sẽ tổ chức cho các em vui chơi thoải mái.



Cô ngừng lại, âu yếm nhìn cả lớp rồi dịu dàng nói tiếp:

— Nghỉ hè xong, các em sẽ lên lớp Bốn. Sang năm, các em sẽ học cô giáo khác. Cô không dạy các em nữa nhưng cô vẫn nhớ các em. Cô khuyên các em luôn luôn ngoan ngoãn và chăm chỉ.

Cả lớp ngồi yên lặng nghe cô giáo nói. Mọi người nhớ lại năm học vừa qua được cô chăm

sóc, dạy dỗ. Sang năm không được học cô nữa, ai cũng xúc động và thầm hứa với cô: «Thưa cô, chúng em sẽ làm đúng như lời cô dạy».

★1. Vì sao trong buổi học cuối năm, Minh đến lớp lại cảm thấy lười hạp?

2. Những từ ngữ nào diễn tả thái độ tình cảm của cô giáo đối với các em học sinh?

3. Những từ ngữ nào nói lên thái độ tình cảm của các em đối với cô giáo?

4. Đặt câu với từ «thầm hứa».

64. TẮC KÈ HOA

(Bây đọc thêm)

Có bạn tắc kè hoa
Xây «lầu» trên cây đa
Rét, chơi trò đi trốn
Đợi ấm trời mới ra.

Tháng tư, tháng năm đến
Bạn kêu vang: «Tắc kè»
Ý chừng như mách bảo
Rằng «sắp hè! sắp hè!»
Đến tháng bảy, tháng tám
Khi không còn tiếng ve
Tắc kè hoa đánh động
Rằng «Hết hè! hết hè!»

Em sửa soạn vở đẹp
Đón chờ ngày khai trường
Tiếng tắc kẻ vọng mãi
Như nhắm nhủ yêu thương.

PHẠM DINH ÂN

CHÍNH TẢ

I – Chính tả (nghe đọc): Hùng đông mặt biển.

1. Bài viết: «Cảnh hùng đông... thuyền du ngoạn».

2. Viết đúng:

– nguy nga, cánh buồm, lòng, thon thả, đỗ, rướn cao, du ngoạn.

– vút cong, tất cả, vất vả, con thuyền, sóng cuộn, can trường.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

– thon hay thông: đi ... thả, dáng... thả.

– vút hay vượt: cao ..., nhanh ..., ... lên, ... râu, ... ve.

b) Em hãy điền thêm chữ vào (viết ra nháp) để được một số từ hai tiếng trong đó có:

– tắc ... (ví dụ: tắc đất)

– tất ... (ví dụ: tất cả)

II – Chính tả (nghe đọc): Buổi học cuối năm.

1. Bài viết: «Hôm nay ... trong nhà».

2. Viết đúng:

– lòng hồi hộp, sớm, ngay ngắn, nghe, xúc động.

– khuyên, ngoan ngoãn, yên lặng.

3. Luyện tập:

a) Điền vào chỗ trống:

– xúc hay súc: gia ..., cảm ..., ... động, ... giấy, ... vật, ... miệng.

– lặn hay lạng: bơi ..., im ..., phăng ..., mặt trời ..., lành ...

b) Em hãy viết những từ có hai tiếng, cùng có các chữ cái đầu là:

– ng ... ng ... (ví dụ: ngân nga)

– ngh ... ng ... (ví dụ: nghiêng ngó)

– ngh ... ngh ... (ví dụ: nghiêng nghiêng)

TỪ NGỮ

ÔN TẬP: MĂNG NON ĐẤT NƯỚC

1. Hằng năm vào đầu tháng chín, các em học sinh lại vui đón ngày lễ nào của cả nước, ngày lễ nào của nhà trường?

2. Bài học và bài làm khác nhau thế nào?

3. Thế nào là học tập chuyên cần? Thế nào là một học sinh tiến bộ?

4. Đặt câu với mỗi từ: giới, thân ái, đoàn kết.

5. Điền từ vào chỗ trống:

Mới ngày nào chúng em dự lễ... bắt đầu một năm học mới, đến nay đã sắp hết năm học. Được cô giáo ..., em ngày càng Bài học, bài làm của em thường được ... cao. Ai cũng khen em năm nay học ... hơn năm trước.

NGỮ PHÁP

ÔN TẬP

1. Em đã học những loại từ nào?

2. Thế nào là danh từ? Danh từ riêng khác danh từ chung như thế nào?

3. Động từ là gì? Tính từ là gì?

4. Tìm các danh từ, tính từ trong đoạn thơ sau:

Mùa hè nắng rất vàng

Bãi cát dài chói nắng,

Con sông qua mùa cạn,

Nước dềnh rộng mênh mang.

5. Tìm động từ thích hợp điền vào những chỗ trống trong những câu sau đây:

Người thợ nề ... tường. Người thợ mộc ... bàn ghế. Người họa sĩ ... tranh. Người diễn viên ... kịch. Thầy giáo ... bà. Mẹ em đang ... cơm.

TẬP LÀM VĂN

I - Bài làm viết:

Đề bài: Kể lại việc làm trực nhật.

(Dựa vào những câu hỏi đã làm miệng tuần trước để viết thành một đoạn văn ngắn).

II - Trả bài viết: Việc làm trực nhật.

GIẢI ĐÁP CÂU ĐỐ

Bài số	Tuần lễ	Tên bài	Tên người và đồ vật
16	22	Câu đố	1. Bà Trưng Trắc 2. Đinh Bộ Lĩnh 3. Trần Quốc Toản 4. Quang Trung
36	26	Câu đố	1. Bóng đèn 2. Cây cột điện 3. Loa phóng thanh 4. Gạch ngói

MỤC LỤC

Bài số	Tuần lễ	Phan môn	Tên bài	Trang
			Chủ đề: XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC	
1	18	Tập đọc	Mùa xuân xinh đẹp đã về	4
2		Học thuộc lòng	Ngày xuân	5
3		Tập đọc	Gang đã ra lò	6
4		Bài đọc thêm	Chuyện của loài chim	8
		Chính tả	Mùa xuân xinh đẹp đã về	
			Gang đã ra lò	9
		Từ ngữ	Công nghiệp đúc gang	10
		Ngữ pháp	Dấu chấm hỏi	10
		Tập làm văn	Kể lại mẩu chuyện «Mình bạn học» (Bài miệng)	11
			Kể lại mẩu chuyện «Mình bạn học» (Bài viết)	11
5	19	Tập đọc	Ban đêm ở nhà máy giấy	12
6		Học thuộc lòng	Họa mi hót	14
7		Tập đọc	Máy bơm nước	15
8		Bài đọc thêm	Mùa xuân bên bờ sông Lương	16
		Chính tả	Ngày xuân	17
			Máy bơm nước	17
		Từ ngữ	Công nghiệp nhẹ	17
		Ngữ pháp	Dấu chấm hỏi (tiếp theo)	18
		Tập làm văn	Trả bài viết: Mình bạn học	19

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
			Kể lại mẩu chuyện "Nhà bác học không ngừng học" (Bài miện)	19
9	20	Tập đọc	Đánh cá ngoài khơi	20
10		Học thuộc lòng	Ở nhà máy gà	21
11		Tập đọc	Tiếng kèng cô nuôi cá	23
12		Bài đọc thêm	Hột mận	25
		Chính tả	Đánh cá ngoài khơi	25
			Phân biệt các phụ âm đầu: r, gi, d	26
		Từ ngữ	Nuôi gà - Thả cá	27
		Ngữ pháp	Thực hành về dấu chấm hỏi	27
		Tập làm văn	Kể lại mẩu chuyện "Nhà bác học không ngừng học" (Bài viết)	28
			Trả bài viết: Nhà bác học không ngừng học	28
13	21	Tập đọc	Nói với sông Đơ-nhi-ép	29
14		Học thuộc lòng	Tiếng hát người làm gạch	30
15		Tập đọc	Tôi trở thành công nhân	32
16		Bài đọc thêm	Cái gì quý nhất	33
		Chính tả	Nói với sông Đơ-nhi-ép	34
			Tôi trở thành công nhân	35
		Từ ngữ	Ôn tập	35
		Ngữ pháp	Dấu chấm cảm	36
		Tập làm văn	Kể lại câu chuyện "Rùa và thỏ" (Bài viết)	36
			Trả bài viết: Rùa và Thỏ	36
17	22	Tập đọc	Cây gạo	37
18		Học thuộc lòng	Lòng yêu nước của nhân dân ta	38
19		Tập đọc	Bà Trưng	39
20		Bài đọc thêm	Cầu đố	41

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
		Chính tả	Ở nhà máy gà	42
			Bà Trưng	42
		Từ ngữ	Lòng yêu nước	43
		Ngữ pháp	Dấu chấm cảm (tiếp theo)	44
		Tập làm văn	Kể lại chuyện "Ông Giống" (Bài viết)	45
			Trả bài viết: Chuyện Ông Giống	45
21	23	Tập đọc	Hội nghị Diên Hồng	46
22		Học thuộc lòng	Tình quân dân	47
23		Tập đọc	Con voi của Trần Hưng Đạo	49
24		Bài đọc thêm	Nên và không nên	50
		Chính tả	Hội nghị Diên Hồng	51
			Phân biệt các phụ âm đầu r, gi, d	51
		Từ ngữ	Bảo vệ tổ quốc	52
		Ngữ pháp	Danh từ	53
		Tập làm văn	Kể lại câu chuyện "Ai ngoan sẽ được thưởng" (Bài viết)	53
			Trả bài viết: Ai ngoan sẽ được thưởng	53
25	24	Tập đọc	Vượt sông	54
26		Học thuộc lòng	Cảnh khuya	56
27		Tập đọc	Em Hòa	57
28		Bài đọc thêm	Ngày như thế nào là đẹp	58
		Chính tả	Vượt sông	59
			Em Hòa	59
		Từ ngữ	Bảo vệ tổ quốc (tiếp theo)	60
		Ngữ pháp	Cách viết hoa danh từ riêng	60
		Tập làm văn	Kể lại câu chuyện "Cây khế" (Bài viết)	60
			Trả bài viết: Cây khế	61

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
29	25	Tập đọc	Ca dao kháng chiến chống Mỹ	62
30		Học thuộc lòng	Anh văn hành quân	63
31		Tập đọc	Vào nghề	64
32		Bài đọc thêm	Tục ngữ về thiên nhiên, thời tiết	66
		Chính tả	Tình quân dân	67
			Ca dao kháng chiến chống Mỹ	67
		Từ ngữ	Ôn tập	68
		Ngữ pháp	Cách viết hoa danh từ riêng (tiếp theo)	68
		Tập làm văn	Kể lại việc rửa mặt buổi sáng (Bài miện)	69
			Việc rửa mặt buổi sáng (Bài viết)	69
33	26	Tập đọc	Giàn bầu nậm	70
34		Học thuộc lòng	Giếng đẹp xóm em	71
35		Tập đọc	Chú mèo con	73
36		Bài đọc thêm	Câu đố	75
		Chính tả	Giàn bầu nậm	75
			Phụ âm cuối c, t.	76
		Từ ngữ	Cảnh vật nông thôn	77
		Ngữ pháp	Động từ	77
		Tập làm văn	Trả bài viết:	
			Rửa mặt buổi sáng	78
			Kể lại việc gấp quần áo (Bài miện)	78
37	27	Tập đọc	Gió vườn xào xạc	79
38		Học thuộc lòng	Tiếng hát chèo trâu	80
39		Tập đọc	Dâm sen	81
40		Bài đọc thêm	Chim tu hú	83

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
		Chính tả	Gió vườn xào xạc	83
			Dâm sen	84
		Từ ngữ	Cảnh vật nông thôn (tiếp theo)	84
		Ngữ pháp	Động từ (tiếp theo)	85
		Tập làm văn	Kể lại việc gấp quần áo (Bài viết)	85
			Trả bài viết: Việc gấp quần áo	85
41	28	Tập đọc	Cơn lũ	86
42		Học thuộc lòng	Bản em	87
43		Tập đọc	Nhạc rừng	89
44		Bài đọc thêm	Rừng cây trong nắng	90
		Chính tả	Giếng đẹp xóm em	91
			Nhạc rừng	91
		Từ ngữ	Cảnh vật núi rừng	92
		Ngữ pháp	Động từ (tiếp theo)	92
		Tập làm văn	Kể lại việc rửa ấm chén (Bài miện)	93
			Kể lại việc rửa ấm chén (Bài viết)	93
45	29	Tập đọc	Đoàn tàu Thống Nhất	94
46		Học thuộc lòng	Đẹp tươi Cu-ba	95
47		Tập đọc	Bạn người đi biển	96
48		Bài đọc thêm	Quả sầu riêng	98
		Chính tả	Đoàn tàu Thống Nhất	99
			Phân biệt phụ âm cuối n, ng	99
		Từ ngữ	Ôn tập cảnh vật nông thôn - Cảnh vật miền núi	100
		Ngữ pháp	Tính từ	101
		Tập làm văn	Trả bài viết: Việc rửa ấm chén	102

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
48	29		Kề lại việc quét nhà (Bài miệng)	102
49	30	Tập đọc	Chủ đề: BÁC HỒ	
50		Học thuộc lòng	Cơn dông	104
51		Tập đọc	Lên thăm nhà Bác	105
52		Bài đọc thêm	Bài học qua tuổi	107
		Chính tả	Em mơ	108
			Cơn dông	108
		Từ ngữ	Bài học qua tuổi	109
		Ngữ pháp	Bác Hồ	109
		Tập làm văn	Tính từ (tiếp theo)	110
			Kề lại việc quét nhà (Bài viết)	110
			Trả bài viết: Việc quét nhà	110
53	31	Tập đọc	Tháng năm vui	111
54		Học thuộc lòng	Nhớ Bác	112
55		Tập đọc	Các em nhỏ và cụ già	113
56		Bài đọc thêm	Loài chim học xây tổ	114
		Chính tả	Lên thăm nhà Bác	115
			Các em nhỏ và cụ già	116
		Từ ngữ	Ôn tập: Đất nước ta	116
		Ngữ pháp	Tính từ (tiếp theo)	117
		Tập làm văn	Kề lại việc chăm sóc cây (Bài miệng)	117
			Kề lại việc chăm sóc cây (Bài viết)	117
57	32	Tập đọc	Chú dế sau lò sưởi	118
58		Học thuộc lòng	Măng tre	119
59		Tập đọc	Ong xây tổ	120

Bài số	Tuần lễ	Phân môn	Tên bài	Trang
60		Bài đọc thêm	Bác tập thể dục	122
		Chính tả	Chú dế sau lò sưởi	122
			Phân biệt im, iêm	122
		Từ ngữ	Ôn tập: Nhân dân ta	123
		Ngữ pháp	Ôn tập	123
		Tập làm văn	Trả bài viết: Việc chăm sóc cây	124
			Kề lại việc làm trực nhật (Bài miệng)	124
61	33	Tập đọc	Hừng đông mặt biển	125
62		Học thuộc lòng	Mùa hè	126
63		Tập đọc	Buổi học cuối năm	127
64		Bài đọc thêm	Tác kẻ hoa	129
		Chính tả	Hừng đông mặt biển	130
			Buổi học cuối năm	130
		Từ ngữ	Ôn tập: Măng non đất nước	131
		Ngữ pháp	Ôn tập	131
		Tập làm văn	Kề lại việc làm trực nhật (Bài viết)	132
			Trả bài viết: Việc làm trực nhật	132
			Giải đáp câu đố	132

STT	Tên bài	Tên bài	Tên bài
122	Đặc tính của nước	Đặc tính của nước	Đặc tính của nước
123	Chức năng của nước	Chức năng của nước	Chức năng của nước
124	Phân biệt các loại nước	Phân biệt các loại nước	Phân biệt các loại nước
125	Ô nhiễm nước	Ô nhiễm nước	Ô nhiễm nước
126	Ô nhiễm nước	Ô nhiễm nước	Ô nhiễm nước
127	Tại sao phải tiết kiệm nước	Tại sao phải tiết kiệm nước	Tại sao phải tiết kiệm nước
128	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
129	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
130	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
131	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
132	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
133	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
134	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
135	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
136	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
137	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
138	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
139	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
140	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
141	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
142	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
143	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
144	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
145	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
146	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
147	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
148	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
149	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước
150	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước	Biện pháp tiết kiệm nước

thuongmaitruongxua.vn

TIẾNG VIỆT

LỚP BA – TẬP HAI

In 170 000 bản, khổ 13×19 tại nhà máy in Sách Giáo Khoa

Hà Nội Số in: 4/8. Số X.B. 80-PTCS

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 1985.

uonngmaitruongxua.v

Giá : 3,50đ